

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bảng biến số nghiên cứu

Phụ lục 1A: Bảng biến số nghiên cứu của mục tiêu 1

Tên biến	Định nghĩa	Phương pháp đo lường	Chỉ số
Thực trạng nhiễm vi rút viêm gan B			
Tình trạng nhiễm vi rút viêm gan B	Kết quả xét nghiệm huyết thanh học	Categorical (nhị phân) 0 = Âm tính 1 = Dương tính	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B chia theo các nhóm thông tin nhân khẩu học
Đặc điểm nhân khẩu xã hội học			
Giới tính	Giới tính của đối tượng nghiên cứu	Nominal (Định danh) 1 = Nam 2 = Nữ	Tỷ lệ về giới tính
Dân tộc	Dân tộc của đối tượng nghiên cứu	Nominal (Định danh) 1 = Kinh 2 = Khác	Tỷ lệ dân tộc
Tuổi	Tuổi của đối tượng điều tra tại thời điểm nghiên cứu	Ordinal (biến thứ tự) 1 = 18 – 29 tuổi 2 = 30 – 39 tuổi 3 = 40 – 49 tuổi 4 = 50 – 59 tuổi 5 = Từ 60 tuổi trở lên	Tỷ lệ nhóm tuổi
Trình độ học vấn	Trình độ học vấn cao nhất mà đối tượng điều tra đạt được tại thời điểm nghiên cứu	Ordinal (biến thứ tự) 1 = Mù chữ/không đi học 2 = Tiểu học (cấp 1) 3 = Trung học cơ sở (cấp 2) 4 = THPT (cấp 3) 5 = Cao đẳng, đại học	Tỷ lệ các nhóm trình độ học vấn
Tình trạng hôn nhân	Tình trạng hôn nhân của đối tượng nghiên cứu tại thời điểm điều tra	Nominal (Định danh) 1 = Chưa kết hôn 2 = Đã lập gia đình 3 = Sống chung không kết hôn 4 = Ly dị/ ly thân/ góa 5 = Góa	Tỷ lệ hôn nhân

Tên biến	Định nghĩa	Phương pháp đo lường	Chỉ số
Nghề nghiệp	Công việc chính của đối tượng nghiên cứu tại thời điểm điều tra	Nominal (Định danh) 1 = Làm ruộng/rẫy 2 = Trồng rừng 3 = Chăn nuôi 4 = Công nhân 5 = Nhân viên y tế 6 = Nhân viên văn phòng 7 = Đang đi học 8 = Nghề tự do 9 = Nghề thủ công 10 = Buôn bán 11= Nghỉ hưu 12 = Thất nghiệp 13 = Nội trợ	Tỷ lệ nghề nghiệp của đối tượng nghiên cứu
Thu nhập	Thu nhập bình quân/tháng của đối tượng nghiên cứu	Ordinal (biến thứ tự) 1 = Dưới 1 triệu 2 = 1 triệu – dưới 5 triệu 3 = 5 triệu – dưới 10 triệu 4 = 10 triệu – dưới 20 triệu 5 = Trên 20 triệu	Tỷ lệ thu nhập bình quân theo nhóm của đối tượng nghiên cứu
Thời gian sống	Thời gian đối tượng nghiên cứu sống liên tục tại xã/phường	Ordinal (biến thứ tự) 1 = Dưới 5 năm 2 = 5 – dưới 10 năm 3 = Trên 10 năm	Tỷ lệ thời gian sống tại xã/phường quân theo nhóm của đối tượng nghiên cứu
Đi xa nhà	Đối tượng đi xa nhà liên tục lâu hơn 1 tháng	Nominal (Định danh) 1 = Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng đi xa nhà liên tục lâu hơn 1 tháng
Địa bàn cư trú (tỉnh)	Tỉnh mà đối tượng nghiên cứu sinh sống tại thời điểm điều tra	1 = Kon Tum 2 = Gia Lai 3 = Đắk Nông	Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu theo địa bàn cư trú (tỉnh)

Tên biến	Định nghĩa	Phương pháp đo lường	Chỉ số
Tiền sử khám chữa bệnh			
Cơ sở y tế khám chữa bệnh	Cơ sở y tế đến khám chữa bệnh khi có vấn đề sức khỏe	Nominal (Định danh) 1 = Cơ sở y tế nhà nước 2 = Cơ sở y tế tư nhân 3 = Đến hiệu thuốc 4 = Cơ sở đông y 5 = Tự chữa ở nhà	Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu đến khám chữa bệnh theo loại hình cơ sở y tế
Người thân mắc bệnh gan	Người thân trong gia đình đã từng được chẩn đoán bệnh gan	Nominal (Định danh) 1 = Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu có người thân mắc bệnh gan
Làm Phẫu thuật và thủ thuật	Đối tượng nghiên cứu đã từng làm phẫu thuật và các thủ thuật bao y tế bao giờ chưa	Nominal (Định danh) 1 = Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu làm phẫu thuật và thủ thuật
Nhận và cho máu	Đối tượng nghiên cứu đã bao giờ nhận và cho máu chưa	Nominal (Định danh) 1 = Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu cho và nhận máu
Thủ thuật về răng	Đối tượng nghiên cứu đã bao giờ làm thủ thuật về răng chưa	Nominal (Định danh) 1 = Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu đã từng làm thủ thuật về răng
Kiến thức về phòng chống lây nhiễm vi rút viêm gan B			
Kiến thức về đường lây nhiễm vi rút VGB	Kiến thức của đối tượng nghiên cứu về các đường lây nhiễm viêm gan vi rút B	Nominal (Định danh) 1 = Đúng 2 = Không đúng	Tỷ lệ đối tượng hiểu biết về đường lây nhiễm
Kiến thức về tiêm vắc xin viêm gan B	Kiến thức của đối tượng nghiên cứu về tiêm phòng vắc xin viêm gan B	Nominal (Định danh) 1 = Đúng 2 = Không đúng	Tỷ lệ đối tượng hiểu biết về tiêm phòng vắc xin viêm gan B
Kiến thức về điều trị vi rút viêm gan B	Kiến thức của đối tượng nghiên cứu về điều trị viêm gan vi rút B	Nominal (Định danh) 1 = Đúng 2 = Không đúng	Tỷ lệ đối tượng hiểu biết về điều trị viêm gan vi rút B

Tên biến	Định nghĩa	Phương pháp đo lường	Chỉ số
Kiến thức về xét nghiệm vi rút viêm gan B	Kiến thức của đối tượng nghiên cứu về xét nghiệm vi rút viêm gan B	Nominal (Định danh) 1 = Đúng 2 = Không đúng	Tỷ lệ đối tượng hiểu biết về xét nghiệm vi rút viêm gan B
Nguồn thông tin	Nguồn thông tin về phòng chống bệnh viêm gan vi rút	Nominal (Định danh) 1 = Cán bộ y tế 2 = Thông tin đại chúng 3 = Chính quyền 4 = Ban ngành, đoàn thể 5 = Người thân	Tỷ lệ đối tượng nhận được thông tin về phòng chống bệnh viêm gan vi rút theo các nguồn khác nhau
Hành vi tiêm, truyền			
Tiêm thuốc, truyền dịch	Đối tượng có tiêm thuốc, truyền dịch qua bắp/ tĩnh mạch trong 12 tháng qua	Nominal (Định danh) 1= Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng có tiêm thuốc, truyền dịch qua bắp/ tĩnh mạch trong 12 tháng qua
Tần suất tiêm, truyền	Tần suất đối tượng tiêm truyền	Nominal (Định danh) 1 = Dưới 1 lần/tháng 2 = 1-2 lần/tháng 3 = Trên 2 lần/tháng	Tỷ lệ và tần suất đối tượng có tiêm truyền tĩnh mạch không
Người tiêm, truyền	Người tiêm thuốc, truyền dịch qua bắp/ tĩnh mạch cho đối tượng nghiên cứu trong lần gần nhất	1 = Bác sỹ (nha sỹ) 2 = Y tá 3 = Cán bộ y tế thôn bản 4 = Tự tiêm/truyền 5 = Người thân	Tỷ lệ đối tượng tiêm thuốc, truyền dịch trong lần gần nhất chia theo người tiêm
Cơ sở y tế	Cơ sở y tế đối tượng nghiên cứu tiêm/truyền tĩnh mạch	1= Cơ sở y tế nhà nước 2 = Cơ sở y tế tư nhân 3 = Hiệu thuốc 4 = Cơ sở khám đông y 5 = Tại nhà	Tỷ lệ đối tượng tiêm/truyền tĩnh mạch chia theo cơ sở y tế

Tên biến	Định nghĩa	Phương pháp đo lường	Chỉ số
Loại bơm kim tiêm	Loại bơm kim tiêm đối tượng nghiên cứu tiêm/truyền tĩnh mạch	1= Xanh thủy tinh 2=Xanh nhựa 01 lần 3=Cả hai	Tỷ lệ đối tượng tiêm/ truyền theo loại BKT
Sử dụng BKT tiêm/ truyền	Việc sử dụng BKT khi đối tượng nghiên cứu nhận tiêm/ truyền tĩnh mạch	1 = Trong vỉ/gói kín 2 = Có sẵn ở ngoài và được đun bằng nước ấm 3 = Có sẵn ở ngoài và được khử trùng	Tỷ lệ đối tượng theo cách thức sử dụng BKT lúc tiêm/ truyền
Tiêm chích ma túy	Đối tượng nghiên cứu có tiêm chích ma túy	Nominal (Định danh) 1= Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng có tiêm chích ma túy
Tần suất tiêm chích ma túy	Tần suất tiêm chích ma túy của đối tượng nghiên cứu	Nominal (Định danh) 1 = Dưới 1 lần/ngày 2 = 1 – 2 lần/ngày 3 = Trên 2 lần/ngày	Tỷ lệ đối tượng tiêm chích ma túy theo các tuần suất
Dùng chung BKT	Tần suất đối tượng nghiên cứu dùng chung BKT khi tiêm chích ma túy	1=Tất cả các lần 2 = Đa số các lần 3 = thỉnh thoảng 4 = Không bao giờ	Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu dùng chung BKT theo các tuần suất
Xăm trổ, cạo râu, bấm lỗ tai	Đối tượng nghiên cứu có xăm trổ, cạo râu, bấm lỗ tai...	Nominal (Định danh) 1= Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng có xăm trổ, cạo râu, bấm lỗ tai...
Sử dụng thuốc lá, rượu bia			
Hút thuốc	Đối tượng nghiên cứu hút thuốc	Nominal (Định danh) 1= Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng hút thuốc
Tần suất hút thuốc	Tần suất đối tượng nghiên cứu hút thuốc	Nominal (Định danh) 1 = Hàng ngày 2 = Đa số các ngày 3 = Thỉnh thoảng 4 = Không bao giờ	Tỷ lệ đối tượng hút thuốc theo các tần suất
Uống rượu bia	Đối tượng nghiên cứu uống rượu bia	Nominal (Định danh) 1= Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng uống rượu bia

Tên biến	Định nghĩa	Phương pháp đo lường	Chỉ số
Tần suất uống rượu bia	Tần suất đối tượng nghiên cứu uống rượu bia	Nominal (Định danh) 1 = Hàng ngày 2 = Đa số các ngày 3 = thỉnh thoảng 4 = Không bao giờ	Tỷ lệ đối tượng uống rượu bia theo các tần suất
Dùng chung đồ dùng cá nhân	Đối tượng có dùng chung đồ dùng cá nhân với người khác	Nominal (Định danh) 1= Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng có dùng chung đồ dùng cá nhân với người khác
Hành vi quan hệ tình dục			
Quan hệ tình dục với	Đối tượng đã bao giờ quan hệ tình dục	Nominal (Định danh) 1= Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng đã quan hệ tình dục
Dùng BCS với bạn tình/vợ chồng	Tần suất dùng BCS khi quan hệ tình dục với bạn tình của đối tượng	Nominal (Định danh) 1= Tất cả các lần 2 = Đa số các lần 3 = Thỉnh thoảng 4 = Không bao giờ	Tỷ lệ đối tượng theo tần suất dùng BCS khi quan hệ tình dục với bạn tình
Quan hệ tình dục với phụ nữ bán dâm	Đối tượng đã bao giờ quan hệ tình dục với phụ nữ bán dâm	Nominal (Định danh) 1= Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng đã quan hệ tình dục với phụ nữ bán dâm
Dùng BCS với phụ nữ bán dâm	Tần suất dùng BCS khi quan hệ tình dục với phụ nữ bán dâm của đối tượng	Nominal (Định danh) 1= Tất cả các lần 2 = Đa số các lần 3 = Thỉnh thoảng 4 = Không bao giờ	Tỷ lệ đối tượng theo tần suất dùng BCS khi quan hệ tình dục với phụ nữ bán dâm
Quan hệ tình dục đồng giới	Đối tượng đã bao giờ quan hệ tình dục đồng giới	Nominal (Định danh) 1= Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng đã quan hệ tình dục đồng giới
Dùng BCS với bạn tình đồng giới	Tần suất dùng BCS khi quan hệ tình dục với bạn tình đồng giới của đối tượng	Nominal (Định danh) 1= Tất cả các lần 2 = Đa số các lần 3 = Thỉnh thoảng	Tỷ lệ đối tượng theo tần suất dùng BCS khi quan hệ tình

Tên biến	Định nghĩa	Phương pháp đo lường	Chỉ số
		4 = Không bao giờ	dục với bản tình đồng giới
Mang thai và sinh con			
Từng sinh con	Đối tượng nghiên cứu từng sinh con	Nominal (Định danh) 1= Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng đã từng sinh con
Xét nghiệm VGB trước sinh	Đối tượng nghiên cứu từng xét nghiệm VGB trước sinh	Nominal (Định danh) 1= Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng đã từng xét nghiệm VGB trước sinh
Thực hiện thủ thuật khi sinh con	Đối tượng nghiên cứu từng thực hiện thủ thuật khi sinh con	Nominal (Định danh) 1= Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng đã từng thực hiện thủ thuật khi sinh con
Con được tiêm phòng vắc xin VGB	Con của đối tượng từng được tiêm phòng vắc xin viêm gan B	Nominal (Định danh) 1= Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng đã từng được tiêm phòng vắc xin viêm gan B
Mang thai	Đối tượng hiện có mang thai	Nominal (Định danh) 1= Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng đang mang thai
Xét nghiệm VGB khi mang thai	Đối tượng có xét nghiệm VGB khi mang thai	Nominal (Định danh) 1= Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng có xét nghiệm VGB khi mang thai
Nạo hút thai	Đối tượng đã từng nạo hút thai	Nominal (Định danh) 1= Có 2 = Không	Tỷ lệ đối tượng đã từng nạo hút thai

Phụ lục 1B: Bảng biến số nghiên cứu của mục tiêu 2

Tên biến	Định nghĩa	Phương pháp đo lường	Chỉ số
Yếu tố liên quan về nhân khẩu xã hội học			
Giới tính	Giới tính của đối tượng nghiên cứu	Nominal (Định danh) 1 = Nam 2 = Nữ	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo giới tính
Dân tộc	Dân tộc của đối tượng nghiên cứu	Nominal (Định danh) 1 = Kinh 2 = Khác	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo nhóm dân tộc
Tuổi	Tuổi của đối tượng điều tra tại thời điểm nghiên cứu	Ordinal (biến thứ tự) 1 = Dưới 40 tuổi 2 = 40 tuổi trở lên	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo nhóm tuổi
Trình độ học vấn	Trình độ học vấn cao nhất mà đối tượng điều tra đạt được tại thời điểm nghiên cứu	Ordinal (biến thứ tự) 1 = Trung học phổ thông trở xuống 2 = Cao đẳng, đại học trở lên	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo nhóm trình độ học vấn
Tình trạng hôn nhân	Tình trạng hôn nhân của đối tượng nghiên cứu tại thời điểm điều tra	Nominal (Định danh) 1 = Chưa kết hôn 2 = Đã từng lập gia đình	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo nhóm tình trạng hôn nhân
Nghề nghiệp	Công việc chính của đối tượng nghiên cứu tại thời điểm điều tra	Nominal (Định danh) 1 = Thất nghiệp 2 = Công việc cố định 3 = Công việc tự do	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo nhóm nghề nghiệp
Thu nhập	Thu nhập bình quân/tháng của đối tượng nghiên cứu	Ordinal (biến thứ tự) 1 = Dưới 10 triệu 2 = Từ 10 triệu trở lên	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo nhóm thu nhập

Tên biến	Định nghĩa	Phương pháp đo lường	Chỉ số
Địa bàn cư trú (tỉnh)	Tỉnh mà đối tượng nghiên cứu sinh sống tại thời điểm điều tra	1 = Kon Tum 2 = Gia Lai 3 = Đắk Nông	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo tỉnh
Yếu tố về tiền sử khám chữa bệnh			
Người thân mắc bệnh gan	Người thân trong gia đình đã từng được chẩn đoán bệnh gan	Nominal (Định danh) 1 = Có 2 = Không	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo nhóm người thân mắc bệnh gan hay không
Làm Phẫu thuật và thủ thuật	Đối tượng nghiên cứu đã từng làm phẫu thuật và các thủ thuật bao y tế bao giờ chưa	Nominal (Định danh) 1 = Có 2 = Không	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo nhóm đã từng làm phẫu thuật và thủ thuật hay không
Nhận và cho máu	Đối tượng nghiên cứu đã bao giờ nhận và cho máu chưa	Nominal (Định danh) 1 = Có 2 = Không	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo nhóm đã từng nhận và cho máu hay không
Thủ thuật về răng	Đối tượng nghiên cứu đã bao giờ làm thủ thuật về răng chưa	Nominal (Định danh) 1 = Có 2 = Không	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo nhóm đã từng làm thủ thuật về răng hay không
Thực hiện thủ thuật sinh nở	Đối tượng nghiên cứu đã bao giờ làm thủ thuật sinh nở	Nominal (Định danh) 1 = Có 2 = Không	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo nhóm đã từng làm thủ thuật sinh nở hay không

Tên biến	Định nghĩa	Phương pháp đo lường	Chỉ số
Đã từng nạo hút thai	Đối tượng nghiên cứu đã bao giờ nạo hút thai	Nominal (Định danh) 1 = Có 2 = Không	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo nhóm đã từng nạo hút thai hay không
Tiêm vắc xin VGB	Đối tượng nghiên cứu đã từng tiêm vắc xin VGB	Nominal (Định danh) 1 = Có 2 = Không	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo nhóm đã từng tiêm vắc xin VGB hay không
Xăm trổ	Đối tượng nghiên cứu đã từng xăm trổ	Nominal (Định danh) 1 = Có 2 = Không	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo nhóm đã từng xăm trổ hay không
Dùng chung máy cạo râu	Đối tượng nghiên cứu đã từng dùng chung máy cạo râu	Nominal (Định danh) 1 = Có 2 = Không	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo nhóm đã từng dùng chung máy cạo râu hay không
Dùng chung bàn chải đánh răng	Đối tượng nghiên cứu đã từng dùng chung bàn chải đánh răng	Nominal (Định danh) 1 = Có 2 = Không	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo nhóm đã từng dùng chung bàn chải đánh răng hay không

Tên biến	Định nghĩa	Phương pháp đo lường	Chỉ số
Kiến thức và hành vi về phòng chống lây nhiễm vi rút viêm gan B			
Kiến thức phòng chống nhiễm vi rút VGB nói chung	Kiến thức của đối tượng nghiên cứu về phòng chống nhiễm vi rút VGB nói chung	Nominal (Định danh) 1 = Đạt 2 = Không đạt	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo nhóm hành vi về phòng chống nhiễm vi rút VGB nói chung
Hành vi phòng chống nhiễm vi rút VGB nói chung	Hành vi của đối tượng nghiên cứu về phòng chống nhiễm vi rút VGB nói chung	Nominal (Định danh) 1 = Đạt 2 = Không đạt	Tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B phân theo nhóm hành vi về phòng chống nhiễm vi rút VGB nói chung

Phụ lục 1C: Bảng biến số nghiên cứu của mục tiêu 3

Tên biến	Định nghĩa	Phương pháp đo lường	Chỉ số
Kết quả hoạt động can thiệp truyền thông			
Phát thanh	Phát thanh về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB	Rời rạc	Số lần phát thanh tại phường can thiệp
	Phát thanh về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB	Rời rạc	Số xã/phường tại phường can thiệp
Tuyên truyền trực tiếp	Tuyên truyền trực tiếp phòng chống lây nhiễm vi rút VGB	Rời rạc	Số người được tuyên truyền trực tiếp tại phường can thiệp
Tờ rơi	Phát tờ rơi về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB	Rời rạc	Số tờ rơi đã phát tại phường can thiệp
Áp phích	Phát/ dán áp phích về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB	Rời rạc	Số tờ áp phích đã phát tại phường can thiệp
Băng rôn	Treo băng rôn về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB	Rời rạc	Số băng rôn đã treo tại phường can thiệp
Tư vấn	Tư vấn tại TYT về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB	Rời rạc	Số người được tư vấn tại TYT tại phường can thiệp
	Tư vấn tại HGD về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB	Rời rạc	Số người được tư vấn tại HGD tại phường can thiệp
Tuyên truyền đoàn hội	Tuyên truyền tại các tổ chức đoàn hội về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB	Rời rạc	Số người được tuyên truyền tại các tổ chức đoàn hội tại phường can thiệp

Kết quả hoạt động can thiệp nâng cao năng lực			
Tập huấn CBYT	Tập huấn cho CBYT về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB	Rời rạc	Số lớp tập huấn cho CBYT tại phường can thiệp
	Tập huấn về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB	Rời rạc	Số CBYT tham dự tập huấn tại phường can thiệp
Tập huấn CTV	Tập huấn cho CTV về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB	Rời rạc	Số lớp tập huấn cho CTV tại phường can thiệp
	Tập huấn về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB	Rời rạc	Số CTV tham dự tập huấn tại phường can thiệp
Thay đổi về kiến thức và hành vi			
Kiến thức về đường lây truyền VGB	Kiến thức về đường lây truyền vi rút VGB của ĐTNC	Nominal (Định danh) 1 = Đạt 2 = Không đạt	Tỷ lệ ĐTNC có kiến thức đạt về đường lây truyền vi rút VGB
Kiến thức về cách phòng lây truyền VGB	Kiến thức về cách phòng lây truyền vi rút VGB của ĐTNC	Nominal (Định danh) 1 = Đạt 2 = Không đạt	Tỷ lệ ĐTNC có kiến thức đạt về cách phòng lây truyền vi rút VGB
Kiến thức về thời điểm tiêm phòng VGB	Kiến thức về thời điểm tiêm phòng VGB của ĐTNC	Nominal (Định danh) 1 = Đạt 2 = Không đạt	Tỷ lệ ĐTNC có kiến thức đạt về thời điểm tiêm phòng VGB
Kiến thức phòng ngừa lây nhiễm VGB nói chung	Kiến thức phòng lây nhiễm vi rút VGB của người dân	Nominal (Định danh) 1 = Đạt 2 = Không đạt	Tỷ lệ ĐTNC có Kiến thức đạt về phòng lây nhiễm vi rút VGB tại 2 phường can thiệp và chứng

Hành vi phòng ngừa lây nhiễm VGB qua đường máu	Hành vi phòng ngừa lây nhiễm vi rút VGB qua đường máu của ĐTNC	Nominal (Định danh) 1 = Đạt 2 = Không đạt	Tỷ lệ ĐTNC có hành vi đạt về phòng ngừa lây nhiễm vi rút VGB qua đường máu
Hành vi phòng ngừa lây nhiễm VGB qua đường QHTD	Hành vi phòng ngừa lây nhiễm vi rút VGB qua đường QHTD của ĐTNC	Nominal (Định danh) 1 = Đạt 2 = Không đạt	Tỷ lệ ĐTNC có hành vi đạt về phòng ngừa lây nhiễm VGB qua đường QHTD
Hành vi phòng ngừa lây nhiễm VGB qua tiêm vắc xin, xét nghiệm	Hành vi phòng ngừa lây nhiễm vi rút VGB qua tiêm vắc xin, xét nghiệm của ĐTNC	Nominal (Định danh) 1 = Đạt 2 = Không đạt	Tỷ lệ ĐTNC có hành vi đạt về phòng ngừa lây nhiễm vi rút VGB qua tiêm vắc xin, xét nghiệm
Hành vi phòng ngừa lây nhiễm VGB qua việc không sử dụng rượu bia, thuốc lá	Hành vi phòng ngừa lây nhiễm vi rút VGB qua việc không sử dụng rượu bia, thuốc lá	Nominal (Định danh) 1 = Đạt 2 = Không đạt	Tỷ lệ ĐTNC có hành vi đạt về phòng ngừa lây nhiễm vi rút VGB qua việc không sử dụng rượu bia, thuốc lá
Hành vi phòng ngừa lây nhiễm VGB nói chung	Hành vi phòng lây nhiễm vi rút VGB của người dân	Nominal (Định danh) 1 = Đạt 2 = Không đạt	Tỷ lệ người dân có hành vi phòng lây nhiễm vi rút VGB tại 2 phường can thiệp và chứng

Phụ lục 2: Bộ câu hỏi phỏng vấn người dân

Mã số

☐ Đánh giá chung

☐ Trước can thiệp

☐ Sau can thiệp

Ghi chú:

- Đánh giá chung dùng cho mục tiêu 1
- Trước và sau can thiệp dùng cho mục tiêu 3

Nghiên cứu: “Thực trạng, một số yếu tố liên quan đến nhiễm vi rút viêm gan B ở người trưởng thành tại khu vực Tây Nguyên và hiệu quả can thiệp dự phòng lây nhiễm”

THỜI GIAN PHỎNG VẤN	
Ngày/tháng/năm	
Kết quả *	
Mã số kết quả	1. Hoàn thành 2. Không đồng ý phỏng vấn 3. Không đồng ý lấy mẫu máu 4. Không đến điểm nghiên cứu như lịch hẹn 5. Từ chối 6. Khác (ghi rõ):
NGHIÊN CỨU VIÊN	GIÁM SÁT VIÊN

PHẦN A: ĐẶC ĐIỂM CỦA NGƯỜI THAM GIA

STT	Câu hỏi	Trả lời	Mã hóa	Chuyên
A1	Giới tính của người tham gia (<i>Quan sát, không hỏi</i>)	Nam Nữ	1 2	
A2	Anh/chị là người dân tộc nào? (<i>Câu hỏi 01 lựa chọn</i>)	Kinh Tày Thái Nùng Khơ me Hmông Sán Chay/Sán Dìu Raglay Dao Khơ mú E đê / Ba na Khác (ghi rõ): _____	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 99	
A3	Anh/chị sinh ngày tháng năm nào? (<i>Điền thông tin vào ô trống, nếu trả lời "không nhớ" thì khoanh tròn mã trả lời</i>)	Tháng sinh Không nhớ tháng sinh Năm sinh Không nhớ năm sinh	_____ 99 _____ 9999	
A4	Trình độ học vấn cao nhất của anh/chị? (<i>Câu hỏi 01 lựa chọn</i>)	Mù chữ /không đi học Tiểu học Trung học cơ sở Trung học phổ thông Cao đẳng, Đại học, sau ĐH Khác (ghi rõ): _____	1 2 3 4 5 99	

A5	Tình trạng hôn nhân hiện tại của anh/chị như thế nào? (Câu hỏi 01 lựa chọn)	Chưa kết hôn Đã lập gia đình Sống chung không kết hôn Ly dị/Ly thân Góa	1 2 3 4 5	
A6	Công việc chính mà anh/chị thường làm là gì? (Câu hỏi 01 lựa chọn. Nếu làm nhiều công việc, thì chọn công việc có thu nhập chính)	Làm ruộng/rẫy Trồng rừng Chăn nuôi Công nhân Nhân viên y tế Nhân viên văn phòng Đang đi học (HS, SV) Nghề tự do Nghề thủ công Buôn bán Nghỉ hưu Thất nghiệp Khác (ghi rõ): _____	1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 99	
A7	Trong 12 tháng qua , thu nhập trung bình một tháng của anh/chị là bao nhiêu? (Câu hỏi 01 lựa chọn)	Dưới 1 triệu đồng 1 triệu - dưới 5 triệu đồng 5 triệu - dưới 10 triệu đồng 10 triệu - < 20 triệu đồng Trên 20 triệu đồng	1 2 3 4 5	
A8	Anh/chị đã sống liên tục tại xã/phường này bao lâu rồi? (Điền thông tin vào ô trống, nếu trả lời "dưới 1 năm" hoặc "từ khi sinh ra" thì khoanh tròn mã trả lời)	Số năm Dưới 1 năm Từ khi sinh ra	_____ 00 99	

A9	Trong 12 tháng qua, anh/chị có đi xa nhà liên tục lâu hơn 1 tháng không?	Có - Nếu có, số chuyến Không	1 _ _ 2	
----	--	------------------------------------	-----------------	--

PHẦN B: TIỀN SỬ KHÁM CHỮA BỆNH

STT	Câu hỏi	Trả lời	Mã hóa	Chuyển
B1	Theo đánh giá chủ quan của anh/chị, tình hình sức khỏe của anh/chị hiện nay thế nào? (Câu hỏi 01 lựa chọn)	Rất kém Kém Bình thường Tốt Rất tốt Không biết	1 2 3 4 5 99	
B2	Khi anh/chị có vấn đề về sức khỏe, anh/chị thường đến cơ sở y tế nào nhất? (Câu hỏi 01 lựa chọn)	Cơ sở y tế nhà nước Cơ sở y tế tư nhân Đến hiệu thuốc mua thuốc Cơ sở đông y Tự chữa ở nhà Khác (ghi rõ): _____	1 2 3 4 5 99	
B3	Lần gần đây nhất, anh/chị gặp vấn đề sức khỏe là khi nào? (Câu hỏi 01 lựa chọn)	Trong 1 tháng qua Trong 3 tháng qua Trong 6 tháng qua Trong 12 tháng qua Hơn 1 năm trước Không nhớ	1 2 3 4 5 99	
B4	Lần đó, anh/chị đến cơ sở y tế nào? (Câu hỏi 01 lựa chọn)	Cơ sở y tế nhà nước Cơ sở y tế tư nhân Đến hiệu thuốc mua thuốc Cơ sở đông y Tự chữa ở nhà Khác (ghi rõ): _____	1 2 3 4 5 99	

B5	Trong gia đình anh/chị, có ai đã từng được chẩn đoán mắc bệnh gan / vàng da không?	Có	1	→ B9		
		Không	2			
		Không nhớ	99			
B6	Nếu có, người đó quan hệ với anh/chị thế nào? (Câu hỏi 1 lựa chọn)	Vợ/chồng	1			
		Con trai/con gái	2			
		Con dâu/con rể	3			
		Cháu nội/ngoại	4			
		Cha/mẹ đẻ	5			
		Cha/mẹ của vợ/chồng	6			
		Anh/em trai, chị/em gái	7			
		Anh/em trai, chị/em gái của vợ/chồng	8			
		Cháu trai/gái ruột	9			
		Cháu trai/gái của vợ/chồng	10			
		Họ hàng khác	11			
		Con nuôi/con riêng	12			
B7	Người đó có được xét nghiệm xác định nhiễm viêm gan hay không?	Có	1	→ B9		
		Không	2			
		Không biết	99			
B8	Nếu có, anh/chị có biết kết quả xét nghiệm của người đó không?	Có	1			
		Không	2			
		Không biết	99			
B9	Anh/chị đã từng bị mắc các bệnh sau đây không? (Câu hỏi nhiều lựa chọn)	Tiểu đường	C	K	KB	
		Bệnh tim	1	2	99	
		Bệnh lao	1	2	99	
		Bệnh lây truyền qua đường tình dục	1	2	99	
		Khác (ghi rõ): _____	1	2	99	

B10	Anh/chị đã từng phẫu thuật hoặc làm các thủ thuật y tế nào chưa? <i>[Phẫu thuật là tên gọi chung của các thủ thuật dùng trong ngoại khoa để chẩn đoán và điều trị.</i> <i>Thủ thuật ngoại khoa là hành động cơ học nhằm tác động vào tổ chức hoặc cơ quan nhằm mục đích chẩn đoán và điều trị bệnh].</i>	Có Không Không nhớ	1 2 99	→ B12 → B12
B11	Nếu có, anh/chị đã từng được phẫu thuật ở đâu? <i>(Câu hỏi nhiều lựa chọn)</i>	Bệnh viện nhà nước Bệnh viện tư nhân Phòng khám tư nhân Khác (ghi rõ): _____	C K KB 1 2 99 1 2 99 1 2 99 1 2 99	
B12	Anh/chị đã từng lọc máu vì bệnh thận chưa?	Có Không	1 2	
B13	Anh/chị đã từng được nhận truyền máu hoặc các sản phẩm từ máu chưa?	Có Không Không nhớ	1 2 99	→ B15 → B15
B14	Nếu có, anh/chị đã từng được truyền máu hoặc nhận các sản phẩm từ máu ở đâu? <i>(Câu hỏi nhiều lựa chọn)</i>	Bệnh viện nhà nước Bệnh viện tư nhân Phòng khám tư nhân Khác (ghi rõ): _____	C K KB 1 2 99 1 2 99 1 2 99 1 2 99	

B15	Anh/chị đã từng hiến máu chưa (bao gồm cả trong chương trình hiến máu nhân đạo hoặc hiến máu cho người thân trong gia đình)?	Có Không Không nhớ	1 2 99	
B16	Anh/chị đã từng làm các thủ thuật về răng chưa (nhổ răng, trồng răng, trám răng...)?	Có Không	1 2	→ C1
B17	Nếu có, anh/chị thường làm các thủ thuật trên ở đâu nhất? (Câu hỏi 01 lựa chọn)	Bệnh viện nhà nước Bệnh viện tư nhân Phòng khám tư nhân Khác (ghi rõ_____)	1 2 3 99	

PHẦN C: KIẾN THỨC DỰ PHÒNG BỆNH VI RÚT VIÊM GAN B

Tiếp theo, xin phép được hỏi anh chị một số thông tin về dự phòng lây nhiễm bệnh vi rút viêm gan B.

STT	Câu hỏi	Trả lời	Mã hóa	Chuyển
C1	Anh/chị đã bao giờ nghe nói về bệnh vi rút viêm gan B chưa?	Có Chưa	1 2	→ C14
C2	Theo anh/chị, vi rút viêm gan B có thể lây qua những đường nào sau đây? (Câu hỏi nhiều lựa chọn, trả lời theo từng lựa chọn trả lời)	Qua đường máu Qua chất dịch cơ thể Qua quan hệ tình dục Từ mẹ sang con Qua đường ăn uống Qua tiếp xúc gần (bắt tay, ôm...) Do muỗi, côn trùng đốt/cắn Khác (ghi rõ): _____	C K KB 1 2 99 1 2 99 1 2 99 1 2 99 1 2 99 1 2 99 1 2 99	

		người nhiễm VGB Khác (ghi rõ): _____	1 2 99	
C6	Anh/chị có thể cho biết tiêm phòng vắc xin viêm gan B cho trẻ sơ sinh và trẻ dưới 1 tuổi được thực hiện thế nào không? (Câu hỏi nhiều lựa chọn)	Theo lịch 0, 2, 3, 4 tháng (lịch TCMR) Tiêm vắc xin dịch vụ Khác (ghi rõ): _____	C K KB 1 2 99 1 2 99 1 2 99	
C7	Anh/chị có thể cho biết tiêm phòng vắc xin viêm gan B cho người lớn được thực hiện thế nào không? (Câu hỏi nhiều lựa chọn)	Giống lịch tiêm cho trẻ sơ sinh và dưới 1 tuổi Theo lịch 0, 1, 2, 12 tháng Theo lịch của cơ sở tiêm chủng Khác (ghi rõ): _____	C K KB 1 2 99 1 2 99 1 2 99 1 2 99	
C8	Anh/chị có biết nơi nào tiêm vắc xin phòng bệnh vi rút viêm gan B không?	Có Không Không nhớ	1 2 99	→ C10 → C10
C9	Nếu có, anh/chị có thể nêu tên các cơ sở tiêm vắc xin viêm gan B	_____		
C10	Anh/chị đã từng được tiêm phòng vắc xin viêm gan B chưa?	Có Không Không nhớ	1 2 99	
C11	Theo anh/chị, bệnh do vi rút viêm gan B có thể được điều trị khỏi hay không?	Có Không Không biết	1 2 99	

C12	Anh/chị có biết nơi nào làm xét nghiệm viêm gan vi rút không?	Có Không Không nhớ	1 2 99	→ C22 → C22
C13	Nếu có, anh/chị có thể nêu tên các cơ sở xét nghiệm viêm gan vi rút không?	_____		
C14	Anh/chị đã bao giờ xét nghiệm vi rút viêm gan chưa?	Có Chưa Không nhớ	1 2 99	
C15	Anh/chị đã bao giờ được chẩn đoán là đã nhiễm vi rút viêm gan/viêm gan siêu vi chưa?	Có Không Không nhớ	1 2 99	→ C20 → C20
C16	Nếu có, anh/chị được chẩn đoán là nhiễm vi rút viêm gan loại nào? (Câu hỏi nhiều lựa chọn)	Viêm gan vi rút A Viêm gan vi rút B Viêm gan vi rút C Viêm gan vi rút D Viêm gan vi rút E Không nhớ	C K KB 1 2 99 1 2 99 1 2 99 1 2 99 1 2 99 1 2 99	
C17	Anh/chị đã từng được điều trị bệnh viêm gan bằng thuốc kháng vi rút nào chưa (cả đường uống và đường tiêm)?	Có Không Không nhớ/Không biết	1 2 99	
C18	Anh/chị đã từng nhận hoặc nghe các thông tin truyền thông về phòng chống bệnh viêm gan vi rút chưa?	Có Không Không nhớ	1 2 99	→ D1 → D1

C19	Nếu có, lần gần đây nhất anh/chị được nhận hoặc nghe các thông tin truyền thông về phòng chống bệnh viêm gan vi rút là khi nào? (Câu hỏi 01 lựa chọn)	Trong 1 tháng qua Trong 6 tháng qua Trong 12 tháng qua Hơn 1 năm trước Không nhớ	1 2 3 4 99	
C20	Lần đó, anh/chị nhận hoặc nghe được các thông tin về phòng chống bệnh viêm gan vi rút từ nguồn nào? (Câu hỏi 01 lựa chọn)	Cán bộ y tế Thông tin đại chúng (Báo, đài, tivi, internet...) Chính quyền địa phương (trực tiếp hoặc qua loa phát thanh) Ban, ngành, đoàn thể địa phương Người thân trong gia đình Khác (ghi rõ): _____	1 2 3 4 5 99	

PHẦN D: CÁC HÀNH VI NGUY CƠ LÂY NHIỄM VI RÚT VIÊM GAN B

STT	Câu hỏi	Trả lời	Mã hóa	Chuyển										
D1	Trong 12 tháng qua, anh/chị có tiêm thuốc hay truyền dịch qua bắp/tĩnh mạch không?	Có Không Không nhớ	1 2 99	 → D6 → D6										
D2	Anh/chị đã từng bao giờ tiêm chích ma túy chưa?	Có Chưa	1 2	 → D10										
D3	Anh/chị bắt đầu tiêm chích ma túy từ khi nào? (Điền thông tin vào ô trống, nếu trả lời "không nhớ" thì khoanh tròn mã trả lời)	Tháng Năm Không nhớ	<table><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table> <table><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table> 99											

D4	Trong 1 tháng qua, anh/chị thường tiêm chích ma túy bao nhiêu lần một ngày? <i>(Điền thông tin vào ô trống, nếu trả lời "không nhớ" hoặc "ít hơn 1 lần một ngày" thì khoanh tròn mã trả lời)</i>	Số lần Không nhớ Nếu ít hơn 1 lần một ngày	___ ___ 99 00	
D5	Trong 6 tháng qua, khi anh/chị tiêm chích, anh/chị có thường xuyên dùng chung bơm kim tiêm không? <i>(Câu hỏi 01 lựa chọn)</i> <i>[Giải thích: dùng chung BKT nghĩa là anh/chị sử dụng BKT mà trước đó người khác đã hoặc vừa dùng xong HOẶC đưa cho người khác dùng lại BKT anh/chị vừa sử dụng xong]</i>	Tất cả các lần Đa số các lần Thỉnh thoảng Không bao giờ Không nhớ	1 2 3 4 99	
D6	Anh/chị hãy chia sẻ thêm một số thông tin cá nhân sau đây? <i>(Câu hỏi nhiều lựa chọn, đọc tất cả các lựa chọn)</i>	Đã từng xăm trổ Đã từng xỏ lỗ/khuyên tai Cạo râu bằng máy cạo râu Cạo râu bằng lưỡi dao	C K 1 2 1 2 1 2 1 2	
D7	Hiện tại, anh/chị có thường xuyên hút thuốc lá không? <i>(Câu hỏi 01 lựa chọn)</i>	Hàng ngày Đa số các ngày trong tuần Thỉnh thoảng Không bao giờ	1 2 3 4	

D8	Hiện tại , anh/chị có thường xuyên uống rượu không? (Câu hỏi 01 lựa chọn)	Hàng ngày Đa số các ngày trong tuần Thỉnh thoảng Không bao giờ	1 2 3 4	
D9	Trong 12 tháng qua , anh/chị có thường xuyên dùng chung các đồ dùng cá nhân với người khác không? (Câu hỏi nhiều lựa chọn)	Bàn chải đánh răng Khăn mặt Dao/máy cạo râu Khác (ghi rõ): _____	C K 1 2 1 2 1 2 1 2	
D10	Anh/chị đã từng quan hệ tình dục bao giờ chưa?	Đã từng Chưa từng	1 2	→ Kết thúc
D11	Trong 1 tháng qua , anh/chị có quan hệ tình dục với vợ/chồng/ người yêu không?	Có Không	1 2	2→D18 (với Nam) 2→ D24 (với Nữ)
D12	Trong 1 tháng qua , anh/chị có thường xuyên dùng bao cao su khi quan hệ tình dục với vợ/chồng/ người yêu không? (Câu hỏi 01 lựa chọn)	Tất cả các lần Đa số các lần Thỉnh thoảng Không bao giờ Không nhớ	1 2 3 4 99	
D13	Lần gần đây nhất anh/chị quan hệ tình dục với vợ/chồng/người yêu, anh/chị có sử dụng bao cao su không?	Có Không Không nhớ	1 2 99	

Chỉ hỏi cho nam giới				
D14	Trong 12 tháng qua , anh có quan hệ tình dục với phụ nữ bán dâm không?	Có Không	1 2	→ D21
D15	Trong 12 tháng qua , anh có thường xuyên dùng bao cao su khi quan hệ tình dục với phụ nữ bán dâm không? (Câu hỏi 01 lựa chọn)	Tất cả các lần Đa số các lần Thỉnh thoảng Không bao giờ Không nhớ	1 2 3 4 99	
D16	Lần gần đây nhất anh quan hệ tình dục với phụ nữ bán dâm anh có sử dụng bao cao su không?	Có Không Không nhớ	1 2 99	
D17	Trong 12 tháng qua , anh có quan hệ tình dục với bạn tình đồng giới không?	Có Không	1 2	→ Kết thúc
D18	Trong 12 tháng qua , anh có thường xuyên dùng bao cao su khi quan hệ tình dục với bạn tình đồng giới không? (Câu hỏi 01 lựa chọn)	Tất cả các lần Đa số các lần Thỉnh thoảng Không bao giờ Không nhớ	1 2 3 4 99	
D19	Lần gần đây nhất , anh có sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục với bạn tình đồng giới không?	Có Không Không nhớ	1 2 99	

Chỉ hỏi cho nữ giới				
D20	Chị đã từng sinh con chưa?	Có Nếu có, số con Không	1 _ 2	→ D28
D21	Chị có được xét nghiệm viêm gan B trước khi sinh không?	Có Không Không nhớ	1 2 99	
D22	Trong các lần sinh con, chị có được yêu cầu thực hiện các thủ thuật trong quá trình sinh nở không?	Có Không Không nhớ	1 2 99	
D23	Trong các lần đó, con của chị có được tiêm phòng vắc xin viêm gan B không?	Có Không Không nhớ	1 2 99	
D24	Hiện tại, chị có mang thai không?	Có Không	1 2	→ D30
D25	Chị có được xét nghiệm viêm gan B trong lần mang thai này không?	Có Không	1 2	
D26	<i>Và xin hỏi chị câu hỏi cuối cùng là,</i> Chị đã từng nạo hút thai chưa?	Có Nếu có, số lần Không	1 _ 2	

Cuộc phỏng vấn đã hoàn thành. Cảm ơn anh/chị đã dành thời gian trả lời các câu hỏi.

Phụ lục 3: Biểu mẫu đánh giá hoạt động can thiệp

Hoạt động	Chỉ số đánh giá	Kết quả	
		Phường Trường Chinh (Can thiệp)	Phường Nguyễn Trãi (Chứng)
Truyền thông			
Phát thanh	Số lần phát thanh về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB		
	Số tổ dân phố tiến hành phát thanh về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB		
Tuyên truyền trực tiếp	Số người được tuyên truyền trực tiếp phòng chống lây nhiễm vi rút VGB		
Tờ rơi	Số tờ rơi đã phát về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB		
Áp phích	Số tờ áp phích đã phát về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB		
Băng rôn	Số băng rôn đã treo về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB		
Tư vấn	Số người được tư vấn tại TYT về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB		
Tuyên truyền đoàn hội	Số người được tư vấn tại HGD về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB		
	Số người được tuyên truyền tại các tổ chức đoàn hội về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB		

Nâng cao năng lực			
Tập huấn CBYT	Số lớp tập huấn cho CBYT về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB		
	Số CBYT tham dự tập huấn về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB		
Tập huấn CTV	Số lớp tập huấn cho CTV về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB		
	Số CTV tham dự tập huấn về phòng chống lây nhiễm vi rút VGB		

Phụ lục 4: Phiếu phỏng vấn thông tin hộ gia đình

Nghiên cứu: “*Thực trạng, một số yếu tố liên quan đến nhiễm vi rút viêm gan B ở người trưởng thành tại khu vực Tây Nguyên và hiệu quả can thiệp dự phòng lây nhiễm*”

CÁC LẦN ĐẾN HỘ GIA ĐÌNH				
	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần cuối
Ngày/tháng/năm				
Nghiên cứu viên				
Kết quả *				
Hẹn lần đến tiếp theo				
Ngày/tháng/năm (giờ)				
Mã số kết quả	1. Hoàn thành 2. Đối tượng lựa chọn không có ở nhà hoặc không có khả năng trả lời 3. Toàn bộ gia đình vắng mặt trong thời gian dài hoặc đã chuyển nơi ở 4. Hẹn lần khác 5. Từ chối 6. Nhà trống hoặc không phải nhà ở 7. Không tìm thấy nhà 8. Khác (ghi rõ): _____			
NGHIÊN CỨU VIÊN		GIÁM SÁT VIÊN		
_____		_____		

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘ GIA ĐÌNH

Chúng tôi xin hỏi một vài thông tin về những thành viên trong gia đình hoặc những người thường xuyên sống cùng với anh/chị.

STT	Họ và tên <i>(Ghi đầy đủ họ tên)</i>	Quan hệ với chủ hộ <i>(Ghi mã số)</i>	Giới tính <i>(Ghi mã số)</i>	Năm sinh <i>(Ghi số năm sinh)</i>	Tuổi	Tình trạng hôn nhân <i>(Ghi mã số)</i>	Trình độ học vấn <i>(Ghi mã số)</i>	Nghề nhiệp <i>(Ghi mã số)</i>	Đủ điều kiện tham gia vào nghiên cứu cá nhân	Được lựa chọn vào nghiên cứu cá nhân	Đồng ý tham gia nghiên cứu cá nhân
									C K	C K	C K
1									1 2	1 2	1 2
2									1 2	1 2	1 2
3									1 2	1 2	1 2
4									1 2	1 2	1 2
5									1 2	1 2	1 2
6									1 2	1 2	1 2
7									1 2	1 2	1 2
8									1 2	1 2	1 2
9									1 2	1 2	1 2
10									1 2	1 2	1 2

Mã hóa: Điền mã số câu trả lời vào cột tương ứng

Quan hệ với chủ hộ		Giới tính	Tình trạng hôn nhân	Trình độ học vấn	Nghề nghiệp	
1: Chủ hộ	7: Cha/mẹ của vợ/chồng	1: Nam	1: Kết hôn đang sống chung	1: Chưa/Không đi học	1: Làm ruộng/rẫy	7: Đang đi học (HS-SV)
2: Vợ/chồng	8: Anh/em trai, chị/em gái	2: Nữ	2: Ly dị/ Ly thân	2: Tiểu học	2: Trồng rừng	8: Nghề tự do
3: Con trai/con gái	9: Ông/bà		3: Góa	3: THCS	3: Chăn nuôi	9: Nghề thủ công
4: Con dâu/con rể	10: Cháu trai/gái của vợ/chồng		4: Chưa kết hôn	4: THPT	4: Công nhân	10: Buôn bán
5: Cháu nội/ngoại	11: Họ hàng khác			5: Cao đẳng/Đại học	5: Nhân viên y tế	11: Nghỉ hưu
6: Cha/mẹ đẻ	12: Con nuôi/con riêng				6: Nhân viên công sở (ngoài ngành y tế)	12: Thất nghiệp
						99: Khác

Để chắc chắn là tôi đã ghi đầy đủ danh sách:

Còn thành viên nào trong gia đình (bao gồm cả trẻ mới sinh) mà chúng ta chưa ghi trong danh sách?	1. Có → ghi bổ sung vào danh sách 2. Không
Có người nào không phải thành viên trong gia đình (người giúp việc, người làm thuê) thường xuyên sống ở đây không?	1. Có → ghi bổ sung vào danh sách 2. Không
Có người khách hoặc người quen đến sống tạm thời trong thời gian này mà chưa có trong danh sách không?	1. Có → ghi bổ sung vào danh sách 2. Không

Phụ lục 5: Bảng lựa chọn cá nhân tham gia nghiên cứu (bảng Kish)

Stt	Tên (vt)	Giới i	Tuổ i	0		0	0	0	5	6	7	8	9	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3								
				1		2	3	4								0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6			
				7		8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	
				7		7	7	7	7	7	7	8	8	8	8	8	8	8	8	8	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			
				3		4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	NTA	1	22	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			
2	LXT	1	30	1		2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1		
3	LTH	2	45	1		2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	
4				1		2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	1	
5				1		2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	2	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	2	5
6				1		2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	1	4	5	6	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	1	
7				1		2	3	4	5	6	7	1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	7	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4	5	6	7	4		
8				1		2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	7	8	1	2	3	4	5	6	7	8	1	2	3	4	7	1	
9				1		2	3	4	5	6	7	8	9	1	2	3	4	5	6	7	8	9	1	2	3	4	5	6	7	7	8	9	1	2	3	4	5	6	7	8	9	7	7		
10				1		2	3	4	5	6	7	8	9	1	2	3	4	5	6	7	8	9	1	2	3	4	7	6	7	8	9	1	2	3	4	7	5								

Người ở vị trí số 1 tại hộ gia đình số 10 được lựa chọn tham gia vào cuộc nghiên cứu: Tên NTA, giới tính Nam, 22 tuổi.

Ghi chú: **Giới:** 1 - Nam, 2 - Nữ

Tên viết tắt: Ví dụ:

Nguyễn Tuấn Anh - NTA

Lương Xuân Trường – LXT, Lê Thị Hương – LTH

Phụ lục 6: Thẻ mời



THẺ MỜI

Hãy đến với chúng tôi tại:

Vào lúc:.....giờ.....phút
Ngày..... tháng..... năm 2018

Mã số

Thẻ này có giá trị đến:
Ngày.....tháng.....năm 2018

THẺ MỜI

Chúng tôi là những cán bộ y tế chuyên về lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Chúng tôi muốn mời bạn tham gia vào điều tra của chúng tôi để thu thập những thông tin cần thiết của bạn liên quan đến viêm gan B (VGB).

Thông tin bạn cung cấp sẽ hoàn toàn được giữ kín. Chúng tôi sẽ không hỏi thông tin cá nhân (tên, địa chỉ...) của bạn.

Thông tin bạn cung cấp vô cùng quan trọng trong việc xây dựng các chương trình dự phòng lây nhiễm VGB trong cộng đồng.

Ngày mời: / / 2018

Tham gia vào điều tra này bạn sẽ được nhận:

- 100.000đ cho thời gian bạn tham gia điều tra
- Xét nghiệm VGB; tư vấn sau xét nghiệm và thông báo kết quả.
- Giới thiệu tới các dịch vụ chăm sóc y tế khác nếu bạn cần.

Bạn sẽ làm gì nếu bạn tham gia vào cuộc điều tra?

- Trả lời các câu hỏi của chúng tôi trong khoảng 30-45 phút.
- Cung cấp 5ml mẫu máu để làm xét nghiệm VGB.

Phiếu này sẽ không có giá trị trong những điều kiện sau:

- Bị rách, nhàu nát.
- Điều tra đã kết thúc.
- Không đúng phiếu do chúng tôi cấp.
- Phiếu đã quá hạn.
- Người sử dụng phiếu này đã từng tham gia vào cuộc điều tra này.

Phụ lục 7: Biểu mẫu sàng lọc tiêu chuẩn đối tượng tham gia nghiên cứu

1. Bạn bao nhiêu tuổi?

☐ Dưới 18 tuổi → **KHÔNG đủ điều kiện tham gia**

☐ Từ 18 tuổi trở lên

2. Trong vòng 30 ngày qua, bạn đã từng tham gia nghiên cứu sử dụng những phiếu mời tương tự như thế này chưa? (**Lưu ý:** Cán bộ tiếp đón lấy phiếu mời và chỉ vào logo của cuộc nghiên cứu cho họ xem)

☐ Đã từng → **KHÔNG đủ điều kiện tham gia**

☐ Chưa từng → **Đủ điều kiện**

Phụ lục 8: Bản cung cấp thông tin giới thiệu về nghiên cứu và chấp thuận tình nguyện của đối tượng tham gia nghiên cứu

Phần A. Bản cung cấp thông tin và chấp thuận tình nguyện tham gia điều tra Giới thiệu

Điều tra này sẽ giúp chúng tôi thu thập thông tin về thực trạng nhiễm vi rút viêm gan B (VGB) trong nhóm người trưởng thành tại khu vực Tây Nguyên và sẽ cung cấp bằng chứng cho việc lập kế hoạch triển khai chương trình phòng chống vi rút viêm gan B.

Để đảm bảo bạn hiểu về việc tham gia điều tra này, chúng tôi sẽ để bạn đọc hoặc đọc cho bạn nghe bản cung cấp thông tin này. Nếu bạn quyết định tham gia vào điều tra này, chúng tôi sẽ đề nghị cán bộ của chúng tôi ký vào bản chấp thuận này. Việc tham gia vào điều tra này là hoàn toàn tự nguyện. Hãy suy nghĩ kỹ trước khi quyết định và đừng ngần ngại hỏi chúng tôi nếu bạn có thắc mắc gì.

Tại sao bạn được mời tham gia vào điều tra?

Bạn được mời tham gia điều tra này để giúp chúng tôi tìm hiểu về tỷ lệ hiện nhiễm vi rút viêm gan B. Bạn có thể có nguy cơ nhiễm vi rút VGB hoặc có các hành vi nguy cơ có khả năng lây nhiễm vi rút VGB. Kết quả điều tra này sẽ giúp chúng tôi thu thập thông tin hữu ích để xây dựng các chương trình can thiệp để phòng chống lây nhiễm VGB.

Thông tin chung về điều tra này

Điều tra: *“Thực trạng, một số yếu tố liên quan đến nhiễm vi rút viêm gan B ở người trưởng thành tại khu vực Tây Nguyên và hiệu quả can thiệp dự phòng lây nhiễm”* được triển khai tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên. Chúng tôi sẽ hỏi bạn một số câu hỏi để xác định bạn có phù hợp với điều tra này không (ví dụ: bạn bao nhiêu tuổi?).

Nếu đủ tiêu chuẩn tham gia, chúng tôi sẽ phỏng vấn bạn một số câu hỏi về hành vi và kiến thức của bạn liên quan đến việc lây nhiễm vi rút VGB và đề nghị bạn cho chúng tôi lấy 5ml máu để làm xét nghiệm vi rút VGB. Cuộc phỏng vấn sẽ mất khoảng 30 - 45 phút. Mẫu máu sẽ được gửi đến phòng xét nghiệm viêm gan để làm

xét nghiệm. Chúng tôi sẽ không thu thập thông tin cá nhân như tên và địa chỉ của bạn.

Bạn sẽ nhận được một phiếu hẹn thông báo kết quả xét nghiệm và được cán bộ y tế tư vấn trước và sau xét nghiệm. Trên phiếu hẹn sẽ có thông tin chi tiết về địa chỉ, số điện thoại, giờ làm việc của nơi thông báo kết quả. Bạn sẽ không được thông báo kết quả nếu không có phiếu hẹn.

Sự tham gia của bạn trong cuộc điều tra

Nếu bạn đồng ý tham gia cuộc điều tra, chúng tôi sẽ

- Hỏi bạn một số thông tin cá nhân để đảm bảo là bạn đủ điều kiện tham gia vào cuộc điều tra.
- Xác nhận việc bạn đồng ý tự nguyện tham gia vào điều tra vào bản chấp thuận tình nguyện tham gia điều tra.
- Hỏi bạn một số câu hỏi về các thói quen cá nhân, kiến thức, hành vi trong quá khứ của bạn có liên quan đến nguy cơ lây nhiễm vi rút VGB.
- Đề nghị bạn cung cấp 5ml máu để làm xét nghiệm huyết thanh VGB.

Những nguy cơ có thể xảy ra

Một số người sẽ cảm thấy chóng mặt khi lấy máu, cảm thấy đau, khó chịu khi bị kim đâm vào, có thể có vết thâm tím hoặc sưng ở vết lấy máu, hoặc một số người có thể bị nhiễm trùng tại vết lấy máu nhưng trường hợp này rất hiếm gặp. Bạn có thể sẽ thấy lo lắng, xấu hổ khi nói chuyện về các hành vi trong quá khứ. Nếu bạn không muốn trả lời những câu hỏi của chúng tôi, bạn có quyền từ chối trả lời.

Quyền lợi

Bạn sẽ được biết mình có nhiễm vi rút viêm gan B hay không. Nếu bạn nhiễm vi rút VGB bạn sẽ được giới thiệu đến các chương trình chăm sóc và điều trị thích hợp hiện có tại địa phương. Đồng thời những thông tin mà bạn cung cấp sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách thiết kế các chương trình y tế công cộng phòng chống bệnh viêm gan và nó có thể đem lại lợi ích cho bạn và cộng đồng trong tương lai.

Thời gian

Điều tra này sẽ kéo dài trong khoảng 2 tháng. Khi tham gia, bạn có thể đề nghị dừng bất kỳ lúc nào nếu bạn cảm thấy không thoải mái. Việc tham gia điều tra này là hoàn toàn tự nguyện. Nếu bạn dừng tham gia, chúng tôi đảm bảo rằng việc đó sẽ không ảnh hưởng tới bất kỳ dịch vụ y tế nào bạn đang nhận được.

Tính bảo mật

Chúng tôi sẽ bảo đảm bí mật một cách tốt nhất những thông tin cá nhân cũng như sự tham gia của bạn trong điều tra này. Cuộc phỏng vấn sẽ diễn ra ở một nơi kín đáo. Tên và địa chỉ của bạn sẽ không được ghi lại trên phiếu phỏng vấn và mẫu máu. Tên bạn cũng sẽ không được nhắc đến trong bất kỳ biểu mẫu nào. Chúng tôi sẽ không thông báo cho bố mẹ, bạn đời/bạn tình hoặc bạn bè của bạn về việc bạn tham gia điều tra này. Thông tin, số liệu thu thập được từ điều tra này sẽ được cất giữ trong những tủ có khóa hoặc mật khẩu trên máy tính. Những cán bộ khác không thể tiếp cận dữ liệu này kể cả cán bộ thu thập số liệu. Khi điều tra kết thúc, các thông tin sẽ được hủy.

Bồi dưỡng

Điều tra sẽ hỗ trợ bạn một khoản thù lao cho việc tham gia. Bạn sẽ nhận được 100.000 đồng, đó là thù lao cho việc đi lại, cho việc bạn dành thời gian cho chúng tôi hôm nay. Số tiền này bạn sẽ nhận được khi bạn hoàn tất các bước trong điều tra.

Nếu bạn quyết định không tham gia vào điều tra

Bạn có quyền tự quyết định việc có tham gia điều tra hay không. Quyết định của bạn không ảnh hưởng gì đến các dịch vụ chăm sóc sức khỏe mà bạn được hưởng. Nếu bạn quyết định tham gia vào điều tra, bạn vẫn có thể không trả lời phỏng vấn hoặc không cung cấp máu để xét nghiệm. Nếu bạn ngừng tham gia điều tra, bạn hãy nói lý do tại sao với cán bộ điều tra của chúng tôi.

Nếu bạn có vấn đề rắc rối hoặc có câu hỏi:

Nếu bạn gặp vấn đề rắc rối khiến bạn nghĩ rằng do liên quan đến việc tham gia điều tra này hoặc bạn có bất kỳ câu hỏi nào liên quan đến điều tra, hãy liên lạc với:

ThS. Bs: Phạm Ngọc Thanh - Chủ nhiệm đề tài, Phụ trách khoa Dịch tễ - Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên, Điện thoại: 091.113.1980

Phần B. Chấp thuận tự nguyện tham gia điều tra

Mã số

Tài liệu trên đây đã mô tả quyền lợi, nghĩa vụ, nguy cơ và quy trình của điều tra “*Thực trạng, một số yếu tố liên quan đến nhiễm vi rút viêm gan B ở người trưởng thành tại khu vực Tây Nguyên và hiệu quả can thiệp dự phòng lây nhiễm*” năm 2018 tại tỉnh [tên tỉnh]. Tôi đã được đọc/nghe đọc và được giải thích đầy đủ. Tôi cũng đã có cơ hội để hỏi về điều tra này và cũng đã được trả lời thỏa đáng.

Tôi đồng ý tham gia vào điều tra này một cách tự nguyện:

Có ☐

Không ☐

Tôi đồng ý lưu lại mẫu máu để làm xét nghiệm khác trong tương lai:

Có ☐

Không ☐

Tôi là cán bộ cung cấp thông tin (người ký tên dưới đây) khẳng định rằng mục đích của điều tra, quyền lợi, nghĩa vụ, các nguy cơ có thể xảy ra với những người tham gia điều tra trong quá trình thực hiện điều tra này đã được giải thích cho người tình nguyện tham gia điều tra trên.

Chữ ký của người lấy chấp thuận điều tra

Họ và tên người lấy chấp thuận điều tra

Ngày

Phụ lục 9: Quy trình thu thập số liệu tại hộ gia đình

1. Chuẩn bị

- Danh sách các hộ gia đình được lựa chọn của từng tỉnh, thành phố.
- Một túi hồ sơ clear bag bao gồm các giấy tờ sau đây:
 - o Bảng lựa chọn cá nhân sử dụng phương pháp Kish.
 - o Bộ câu hỏi phỏng vấn hộ gia đình. (đã dán mã nghiên cứu)
 - o Thẻ mời (đã dán mã nghiên cứu)
 - o Biểu mẫu sàng lọc.
 - o Bản chấp thuận tham gia nghiên cứu (đã dán mã nghiên cứu)
 - o BCH cá nhân (đã dán mã nghiên cứu)
 - o BCH mạng lưới (đã dán mã nghiên cứu)
 - o Phiếu hẹn thông báo kết quả (đã dán mã nghiên cứu)
 - o Bảng mã nghiên cứu có 4 mã chưa dán

2. Thu thập thông tin hộ gia đình và lựa chọn người tham gia nghiên cứu cá nhân

- Tiếp cận hộ gia đình được lựa chọn theo danh sách đã chuẩn bị với hỗ trợ của cán bộ địa phương (trạm y tế, tổ dân phố ...).
- Cung cấp thông tin về cuộc nghiên cứu và thực hiện nghiên cứu hộ gia đình bao gồm việc thu thập thông tin nhân khẩu học cơ bản về việc cư trú của các thành viên hộ gia đình.
- Sau khi nhận được sự đồng ý tham gia vào nghiên cứu, cán bộ nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi phỏng vấn hộ gia đình để thu thập thông tin.
- Liệt kê từ người trẻ tuổi nhất (trên 18 tuổi) đến người cao tuổi nhất vào bảng lựa chọn cá nhân sử dụng phương pháp Kish.
- Lựa chọn người tham gia nghiên cứu cá nhân.
- Thông báo về các thủ tục của cuộc nghiên cứu cá nhân và yêu cầu sự đồng ý bằng miệng về sự tham gia.

- Thống nhất thời gian với người được lựa chọn tham gia nghiên cứu cá nhân và gửi thẻ mời với đầy đủ thông tin về địa điểm, thời gian cho người tham gia nghiên cứu cá nhân.

Lưu ý:

- *Nếu trong lần đến hộ gia đình mà không ai có mặt hoặc nếu không có người được lựa chọn tham gia nghiên cứu, nhóm cán bộ nghiên cứu sẽ quay lại hộ gia đình đó vào một thời điểm khác.*

- *Thông báo sẽ được để lại ở cửa trước để cho biết rằng hộ gia đình đã được lựa chọn. Số lần đến hộ gia đình tối đa là 03 lần.*

- *Nếu sau 03 lần đến thăm đều không gặp được các thành viên trong hộ gia đình hoặc người được lựa chọn tham gia từ chối, hộ gia đình tiếp theo trong danh sách hộ gia đình sẽ được lựa chọn (không lựa chọn thành viên khác trong hộ gia đình để thay thế).*

Phụ lục 10: Quy trình thu thập số liệu tại điểm nghiên cứu

Bàn 1: TIẾP ĐÓN

- Chào đón
- Kiểm tra thẻ mời (mã số thẻ, logo nghiên cứu, ngày hết hạn, nơi nhận thẻ mời).
- Kiểm tra chéo giữa thẻ mời và bảng lựa chọn cá nhân xem có đúng người được mời đến tham gia điều gia hay không.
- Kiểm tra chắc chắn mã số đã được dán đầy đủ vào các biểu mẫu và BCH
- Sàng lọc đủ tiêu chuẩn tham gia (dùng biểu mẫu sàng lọc):
 - Cán bộ TYT hỗ trợ
 - Cán bộ tiếp đón hỏi một số câu hỏi sàng lọc
 - Nếu người tham gia không đủ tiêu chuẩn nhưng có nhu cầu XN và tư vấn thì giới thiệu họ đến cơ sở y tế gần nhất.
- Lấy chấp thuận tham gia nghiên cứu (phụ lục 8)
- Đóng dấu SỐ 1 vào thẻ mời

Lưu ý: chưa thanh toán tiền tại thời điểm này.

- Hướng dẫn người tham gia cầm hồ sơ sang Bàn 2: Phỏng vấn

SAU KHI HOÀN THÀNH PHỎNG VẤN VÀ LẤY MẪU

- Kiểm tra thẻ mời đã được đóng dấu: SỐ 1, SỐ 2, SỐ 3
- Kiểm tra các mã số đã dán và chưa dán xem có thống nhất không
- Hoàn thiện hồ sơ nghiên cứu, bao gồm:
 - Thẻ mời đã được đóng đủ 3 dấu
 - Bản chấp thuận tham gia nghiên cứu đã ký
 - Biểu mẫu sàng lọc
 - 2 Bộ câu hỏi phỏng vấn đã được điền đầy đủ và đánh dấu vào phần “kết quả” ở trang 1
- Thanh toán tiền bồi dưỡng và ký nhận
- Yêu cầu đáp viên tự điền bộ câu hỏi mạng lưới. BCH này sẽ được ghép vào túi hồ sơ sau khi đáp viên điền xong.

Lưu ý: Người tham gia chỉ nhận tiền khi hoàn thành toàn bộ quá trình nghiên cứu, bao gồm phỏng vấn và lấy mẫu bệnh phẩm. Vì bất cứ lý do gì người tham gia không hoàn thành một bước nghiên cứu nào đó, cần thông báo cho giám sát viên.

Bàn 2 - PHỎNG VẤN

- Chào đón, tạo không khí thoải mái, cởi mở
- Kiểm tra BCH đã được dán mã số đầy đủ và khớp với các giấy tờ còn lại trong túi hồ sơ.
- Hỏi một số câu hỏi sàng lọc để đảm bảo đủ tiêu chuẩn tham gia
- Hỏi để xác nhận một lần nữa việc chấp thuận tham gia nghiên cứu. Ký tên vào mục người làm chứng trong bản chấp thuận tham gia nghiên cứu.

Lưu ý:

- Nếu người tham gia từ chối phỏng vấn, thuyết phục họ tiếp tục tham gia thông qua việc nhấn mạnh vào tính bí mật giấu tên cũng như những lợi ích mà họ được hưởng khi tham gia vào cuộc nghiên cứu.
- Trong trường hợp người tham gia nhất quyết từ chối thì kết thúc phỏng vấn và giữ lại toàn bộ hồ sơ thông tin của người tham gia. Đánh dấu vào phần “kết quả” ở trang 1.
- Tiến hành PV bộ câu hỏi
- Khi PV xong, dành thời gian kiểm tra bộ câu hỏi đã hoàn thành chưa. Đánh dấu vào phần “kết quả” ở trang 1.
- Đóng dấu SỐ 2 vào thẻ mời
- Hướng dẫn người tham gia cầm hồ sơ sang Bàn 3: Lấy mẫu XN.

Bàn 3 – LẤY MẪU XÉT NGHIỆM

- Chào đón, tạo không khí thoải mái, cởi mở
- Đảm bảo người tham gia đã được phỏng vấn (dấu số 2 ở thẻ mời)
- Đảm bảo người tham gia được PV và lấy mẫu trong cùng một ngày
- Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ lấy mẫu máu

- Dán mã số NC vào các ống mẫu và đảm bảo mã số của mẫu bệnh phẩm khớp với mã số trên hồ sơ của từng người.

- Lấy mẫu máu theo các quy định lấy mẫu của Bộ Y tế (phụ lục 11).

- Ly tâm và tách chiết huyết thanh (nếu đủ điều kiện).

Lưu ý: Trong trường hợp phải chuyển mẫu máu lên tuyến trên để tách chiết huyết thanh, thì mỗi mẫu máu sẽ phải kèm theo 3 mã nghiên cứu chưa dán.

- Báo cáo GSV những trường hợp không lấy được mẫu hoặc những bất thường có thể xuất hiện trong quá trình lấy mẫu (không lấy máu được, bệnh nhân bị ngất trong quá trình lấy máu...)

- Kiểm tra chắc chắn “Phiếu hẹn thông báo kết quả đã được dán mã số, khớp với mã số trong các giấy tờ khác trong hồ sơ.

- Phát ‘Phiếu hẹn thông báo kết quả’ (đã ghi rõ thời gian hẹn và ngày hết hạn thẻ) cho người tham gia nghiên cứu.

- Hỏi xem người tham gia đã biết địa chỉ lấy kết quả xét nghiệm chưa và hướng dẫn họ.

- Đóng dấu SỐ 3 vào thẻ mời.

- Hướng dẫn người tham gia cầm hồ sơ quay trở lại bàn tiếp đón

- Thực hiện quy trình lưu giữ và bảo quản mẫu theo đúng quy định (phụ lục 9).

- Hoàn thành các biểu mẫu thu thập và bàn giao mẫu vào mỗi ngày nghiên cứu.

- Chịu trách nhiệm lưu giữ, vận chuyển và bàn giao mẫu bệnh phẩm từ điểm nghiên cứu về phòng XN của CDC tỉnh đúng quy cách.

Phụ lục 11: Quy trình lấy mẫu máu

1. Chuẩn bị dụng cụ

- Bông thấm nước vô trùng;
- Cồn 70°C hoặc cồn I ốt;
- Bộ dụng cụ lấy máu bằng ống hút chân không (ống chân không có chứa gel thể tích 5ml, kim 2 đầu cỡ 22G, giá đỡ kim);
- Dây garô;
- Găng tay dùng một lần;
- Khẩu trang y tế;
- Giá để ống nghiệm;
- Pippet nhựa vô trùng dùng 1 lần hoặc đầu côn (típ) có lọc (không có DNase/RNase);
- Ống cryotube loại 2ml (không có DNase/RNase);
- Bình tích lạnh và túi giữ lạnh/đá khô
- Nhãn dán ống nghiệm;
- Bút mực không phai;
- Hộp đựng các vật sắc nhọn và rác thải y tế.

2. Chuẩn bị lấy mẫu:

- Kiểm tra tiêu chuẩn tham gia, kiểm tra phiếu phỏng vấn và mã số nghiên cứu;
- Dán nhãn có ghi sẵn mã số của người tham gia trên ống đựng mẫu;
- Rửa tay bằng xà phòng hoặc dung dịch khử trùng nhanh và đi găng tay không bột.

Lưu ý: thay găng tay sau khi lấy máu xong cho mỗi người để tránh nhiễm chéo;

3. Tiến hành lấy mẫu máu bằng bộ dụng cụ lấy máu áp lực âm

- Tháo nắp đáy của phần đầu kim (có bọc cao su) ra;
- Gắn chặt phần đầu kim có bọc cao su vào dụng cụ đỡ kim (lưu ý: không tháo nắp của phần đầu kim dùng để lấy máu cho đến khi tiến hành lấy máu)

- Xác định vị trí lấy máu (tĩnh mạch) và ga rô cách vị trí lấy máu 5cm về phía trên;
- Sát trùng vị trí lấy máu bằng cồn 70⁰C để khô trong 30 giây.
- Tháo nắp đầu kim còn lại (không bọc cao su) và đưa kim ở góc xiên 15–30 vào vị trí lấy máu;
- Gắn ống lấy máu có chứa gel vào đầu kim có bọc cao su. Nới lỏng dây garô ra ngay khi máu vừa chảy vào ống lấy máu;
- Quan sát bằng mắt thường khi thấy máu ngừng chảy thì tháo ống máu ra;
- Trộn đều ống máu với chất gel bằng cách nhẹ nhàng, đảo ngược ống máu 5-6 lần;
- Xếp ống máu vào giá để mẫu;
- Tháo dây garô ra và tháo đầu kim lấy máu ra khỏi vị trí lấy máu;
- Thải bỏ kim lấy máu vào thùng đựng vật sắc nhọn;
- Đặt miếng gạc/bông vô trùng vào vị trí vừa rút kim ra;
- Sau khi lấy mẫu, phun dung dịch sát khuẩn lên trên mặt bàn lấy mẫu, để 20 phút. Sau đó thấm khô và lau sạch.

Lưu ý: Khi trên mặt bàn, mặt sàn dính máu phải đổ ngập tràn dung dịch sát khuẩn lên trên mặt vị trí có mẫu, để 20 - 30 phút.

- Để yên ống máu ở nhiệt độ phòng (18-25⁰C) trong vòng 30-40 phút để cho máu đông lại sau đó giữ ở nhiệt độ 2-8⁰C cho đến khi đóng gói và chuyển đến phòng xét nghiệm của CDC tỉnh trong vòng 4-6 tiếng kể từ khi lấy máu để ly tâm tách huyết thanh, cần tách huyết thanh trong vòng 24 tiếng kể từ khi lấy mẫu máu.

Lưu ý:

- Chỉ bảo quản ống máu ở nhiệt độ 2-8⁰C sau khi máu đã đông ở nhiệt độ phòng để tránh tán huyết, mẫu máu bị tán huyết sẽ không được chấp nhận và phải loại bỏ trước khi ly tâm tách huyết thanh.
- Đối với các điểm lấy mẫu trong cùng địa bàn thì chuyển mẫu máu toàn phần đến Phòng xét nghiệm trong vòng 4-6 tiếng để tách huyết thanh.

Phụ lục 12: Quy trình đóng gói và vận chuyển mẫu

1. Đóng gói và chuyển mẫu máu

Đóng gói mẫu máu và vận chuyển cần tuân thủ các nguyên tắc an toàn và thực hiện theo các bước được mô tả dưới đây:

- Quấn quanh mỗi ống mẫu máu giấy thấm hút và cho vào túi nylon, dán kín miệng túi (lưu ý: có thể đặt 8-10 ống máu vào 1 túi ny lông);
- Đặt các túi nylon có chứa ống máu theo chiều thẳng đứng vào hộp đựng mẫu;
- Đặt hộp đựng mẫu vào thùng tích lạnh;
- Đặt các túi giữ lạnh vào thùng tích lạnh (ví dụ: 15 mẫu thì cần 3 túi tích lạnh) tránh để các túi tích lạnh tiếp xúc trực tiếp với mẫu (nếu cái túi tích lạnh để tiếp xúc trực tiếp với mẫu sẽ làm tán huyết và ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm). Đảm bảo mẫu được bảo quản tại 4-8°C trong suốt quá trình vận chuyển đến phòng xét nghiệm của CDC tỉnh.
- Đậy nắp thùng đựng mẫu dùng băng dính dán xung quanh;
- Vận chuyển mẫu an toàn đến phòng xét nghiệm của CDC tỉnh, thành phố trong vòng 4-6 tiếng kể từ khi lấy mẫu.
- Phương tiện vận chuyển: xe ô-tô. Trong trường hợp điều kiện không cho phép, có thể sử dụng xe gắn máy để vận chuyển nhưng phải buộc hộp chứa mẫu bệnh phẩm thật cẩn thận vào giá đỡ hàng, đảm bảo gọn gàng, tránh đổ, vỡ.

2. Tách huyết thanh từ mẫu máu toàn phần

- Xếp các ống mẫu vào máy ly tâm, nếu các ống chưa thẳng bằng thì cần lấy 1 ống nước có thể tích tương đương đặt vào để đảm bảo thẳng bằng trước khi quay ly tâm;
- Ly tâm ống máu với tốc độ 2500 - 3000 vòng/phút trong 10 phút ở nhiệt độ phòng (18-25°C);
- Dùng pipete nhựa vô trùng hút huyết thanh của từng ống mẫu sau khi ly tâm vào 3 ống cryotube đã có dán mã số tương ứng:
 - o Một tuýp nhỏ 1, 2 mL cho xét nghiệm huyết thanh học.

- Một tuýp 0, 5 ml và một tuýp chứa số huyết thanh còn lại cho xét nghiệm axit nucleic (NAT) và trình tự di truyền.
- Dán nhãn gồm thông tin sau vào phía trên bên trái hoặc phía dưới bên phải của nắp hộp đựng ống cryotube:
 - Ngày tách huyết thanh
 - Số thứ tự của hộp/số thứ tự của ống cryotube (Hộp 1/ống cryotube 1)
 - Mẫu có số ID từ số ... đến số
- Xếp các ống cryotube vào hộp để mẫu tương ứng đã dán nhãn như sau:
 - Ống huyết thanh đánh dấu số 1 được xếp đầy vào hộp được đánh dấu số 1, sau khi sắp đủ 81 mẫu thì chuyển sang hộp đựng mới;
 - Tương tự như vậy đối với các ống huyết thanh đánh dấu số 2 và số 3 được xếp vào hộp được đánh dấu số 2 và số 3.
- Bảo quản các ống huyết thanh ở -20°C cho đến khi đóng gói và chuyển đến phòng xét nghiệm tại Viện VSDT Tây Nguyên trong vòng 15 ngày kể từ khi tách mẫu huyết thanh.

Lưu ý: Trong trường hợp hộp đựng mẫu chưa đầy từ đợt tách huyết thanh trước và đang được bảo quản lạnh ở -20°C thì không nên lấy ra để xếp các ống cryotube mới vào mà nên dùng một hộp đựng tạm thời khác, sau khi hoàn thành việc tách huyết thanh thì mới lấy hộp đang đựng chưa đầy trong tủ âm sâu ra để sắp các ống cryotube mới vào.

3. Đóng gói và vận chuyển mẫu huyết thanh

- Mẫu huyết thanh được đóng gói theo nguyên tắc 3 lớp được quy định theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế tại Thông tư 43/2011/TT-BYT ngày 05/12/2011 quy định chế độ quản lý mẫu bệnh phẩm bệnh truyền nhiễm.
- Đặt hộp đựng mẫu bệnh phẩm trong túi chống thấm/ túi nylon và đóng kín theo quy định.
- Đặt túi nylon có chứa ống đựng mẫu bệnh phẩm vào thùng xốp hoặc thùng đựng mẫu chuyên dụng.

- Bổ sung đủ túi /bình tích lạnh hoặc đá khô vào trong phích/thùng đựng mẫu để mẫu được bảo quản ở nhiệt độ -20°C trong suốt quá trình vận chuyển mẫu (trong trường hợp dùng đá khô thì lớp đóng gói ngoài cùng cần có thông khí; nếu sử dụng bình tích lạnh thì phải đặt bình tích lạnh trong tủ lạnh âm sâu -20°C hoặc thấp hơn trước khi sử dụng).

- Phiếu nghiên cứu được đặt trong túi chống thấm / túi nylon khác (không để chung phiếu với mẫu huyết thanh) và gửi kèm cùng mẫu huyết thanh đến Viện Dịch tễ Tây Nguyên.

- Chuyển mẫu huyết thanh đến phòng xét nghiệm tại Viện VSDT Tây Nguyên trong vòng 15 ngày kể từ khi tách mẫu huyết thanh.

- Các cơ sở gửi mẫu cần thông báo ngay cho phòng xét nghiệm khoảng thời gian dự kiến phòng xét nghiệm sẽ nhận được mẫu để cán bộ phòng xét nghiệm có thể chuẩn bị cho việc nhận mẫu.

- Lựa chọn các phương tiện, hình thức vận chuyển để đảm bảo thời gian vận chuyển ngắn nhất, trong khi vẫn phải đảm bảo điều kiện bảo quản mẫu trong suốt quá trình vận chuyển.

4. Nhận mẫu tại phòng xét nghiệm của CDC tỉnh và Viện VSDT Tây Nguyên

- Khi bệnh phẩm và phiếu yêu cầu xét nghiệm được chuyển đến phòng xét nghiệm của CDC tỉnh và viện VSDT Tây Nguyên, bên giao và bên nhận phải ký xác nhận vào Sổ hoặc phiếu giao nhận mẫu. Các mẫu huyết thanh sẽ không được chấp nhận nếu có một trong các vấn đề sau:

- Có hiện tượng rò rỉ bệnh phẩm;
- Loại bệnh phẩm không phù hợp;
- Nhiệt độ của phích lạnh không đảm bảo yêu cầu;
- Thông tin của người tham gia (mã số người tham gia) trên ống đựng mẫu bị mất hoặc không trùng với phiếu yêu cầu xét nghiệm.

Lưu ý: Các mẫu bệnh phẩm bị từ chối xét nghiệm phải được giữ tại phòng xét nghiệm của viện VSDT Tây Nguyên theo quy định của phòng xét nghiệm. Lý do từ chối xét nghiệm được ghi vào cột Ghi chú tại Sổ giao nhận bệnh phẩm.

- Khi mẫu đã được nhận bởi PXN của viện VSDT Tây Nguyên thì:
 - Mẫu huyết thanh đánh dấu số 1 sẽ được vận chuyển đến Bệnh viện Bạch Mai để tiến hành XN huyết thanh học chẩn đoán nhiễm vi rút viêm gan B.
 - Mẫu huyết thanh đánh dấu số 2 và 3 sẽ được bảo quản tại tủ âm -70°C để lưu.

Tại viện VSDT Tây Nguyên không thực hiện xét nghiệm huyết thanh học chẩn đoán vi rút viêm gan B, mẫu cần bảo quản tạm thời trong tủ âm -20°C cho đến khi đóng gói và chuyển đến phòng xét nghiệm Bệnh viện Bạch Mai thực hiện xét nghiệm huyết thanh học trong vòng 7 ngày kể từ khi nhận.

Phụ lục 13: Quy trình thông báo kết quả và tư vấn sau xét nghiệm

1. Thông báo kết quả trong vòng 01 tháng kể sau khi lấy mẫu.
2. Khi thông báo kết quả, phải kiểm tra ‘Phiếu hẹn thông báo kết quả xét nghiệm’ của người tham gia nghiên cứu (Mã số thẻ, logo cuộc nghiên cứu, ngày hết hạn) để đảm bảo thẻ có giá trị
3. Chỉ thông báo kết quả xét nghiệm với những người có phiếu hẹn thông báo kết quả gốc.
4. Người tham gia ký xác nhận sau khi đã nghe thông báo kết quả xét nghiệm
5. Tư vấn sau xét nghiệm (nếu cần)
6. Giới thiệu người tham gia tới các dịch vụ hỗ trợ thích hợp.

Phụ lục 14: Phiếu hẹn thông báo kết quả

Nghiên cứu: “Thực trạng, một số yếu tố liên quan đến nhiễm vi rút viêm gan B ở người trưởng thành tại khu vực Tây Nguyên và hiệu quả can thiệp dự phòng lây nhiễm”

PHIẾU HẸN THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số:

Thời gian

..... giờ, ngày.....tháng năm 2018

Địa chỉ:

.....

Số điện thoại:

.....

(Bạn có thể gọi điện cho chúng tôi để hẹn)

*Kết quả xét nghiệm được bảo mật tuyệt đối.
Xin mang theo phiếu này đến để nghe
thông báo kết quả xét nghiệm của bạn.*

Đến với chúng tôi để biết về tình trạng nhiễm vi rút viêm gan B của bạn và nhận được những lời khuyên từ các cán bộ y tế:

Phiếu có giá trị đến:

Ngày..... thángnăm 2018

Sau ngày ghi trên phiếu, bạn đến

.....
.....

để nghe thông báo kết quả xét nghiệm

Giờ làm việc của chúng tôi:

.....
.....
.....

Phụ lục 15: Biểu mẫu bàn giao mẫu

Phụ lục 15A: Loại mẫu - Máu toàn phần

Họ tên kỹ thuật viên lấy mẫu:

Ngày lấy mẫu:/...../.....

Điểm lấy mẫu: Tỉnh/Thành phố

ST T	MÃ SỐ NV	Thể tích (ml)	Chất lượng	GHI CHÚ
	<i>Dán mã số NC</i>	5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	5 ml		

Mỗi mẫu máu được kèm theo 3 nhãn chưa dán

Ngày chuyển mẫuMẫu chuyển từđến

Người bàn giao mẫu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người nhận mẫu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 15B: Loại mẫu - Huyết thanh

Họ tên kỹ thuật viên lấy mẫu:

Ngày lấy mẫu:/...../.....

Điểm lấy mẫu: Tỉnh/Thành phố

STT	MÃ SỐ NGHIÊN CỨU			GHI CHÚ
		Thể tích (ml)	Chất lượng	
	<i>Dán mã số NC</i>	1, 2ml 0, 5 ml 0, 5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	1, 2ml 0, 5 ml 0, 5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	1, 2ml 0, 5 ml 0, 5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	1, 2ml 0, 5 ml 0, 5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	1, 2ml 0, 5 ml 0, 5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	1, 2ml 0, 5 ml 0, 5 ml		
	<i>Dán mã số NC</i>	1, 2ml 0, 5 ml 0, 5 ml		

Ngày chuyển mẫu Mẫu chuyển từ đến

Người bàn giao mẫu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người nhận mẫu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 16: Tiêu chuẩn của các thành viên trong nhóm nghiên cứu

Người tiếp đón

- Là cán bộ trong ngành y tế.
- Có kỹ năng giao tiếp
- Ưu tiên cán bộ tại địa phương, người hiểu rõ địa bàn nghiên cứu.
- Bố trí được thời gian để tham gia toàn bộ quá trình nghiên cứu.

Người phỏng vấn

- Là cán bộ trong ngành y tế
- Có kinh nghiệm thực hiện các nghiên cứu tại cộng đồng
- Có kỹ năng phỏng vấn.
- Có kỹ năng giao tiếp
- Bố trí được thời gian để tham gia toàn bộ quá trình nghiên cứu.

Người lấy mẫu xét nghiệm

- Là cán bộ phòng xét nghiệm, có kỹ năng lấy máu.
- Ưu tiên người có kỹ năng tách chiết huyết thanh, đóng gói và bảo quản mẫu.
- Có kỹ năng giao tiếp.
- Bố trí được thời gian để tham gia toàn bộ quá trình nghiên cứu

Phụ lục 17: Sản phẩm truyền thông

ĐIỀU TRỊ VÀ PHÒNG LÂY NHIỄM VI RÚT VIÊM GAN B NHƯ THẾ NÀO?

◆ Điều trị: Hiện nay, vẫn chưa có biện pháp để có thể loại bỏ hoàn toàn virus viêm gan B ra khỏi cơ thể. Tuy nhiên, nếu phát hiện sớm thì người bệnh hãy đến bệnh viện để khám và có phương án điều trị kịp thời.

◆ Dự phòng lây nhiễm vi rút viêm gan B:

- Tránh tiếp xúc với máu và dịch thể của người đã bị nhiễm vi rút viêm gan B
- Sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục với gái mại dâm, bạn tình bị nhiễm vi rút viêm gan B...
- Không dùng chung bơm kim tiêm và các dụng cụ y tế...

NHỮNG AI CẦN TIÊM VẮC XIN PHÒNG VIÊM VIÊM GAN B?

Tất cả trẻ sơ sinh: Tiêm mũi đầu trong 24 giờ sau sinh và 3 mũi tiếp theo vào lúc 2,3,4 tháng tuổi.

Người lớn và trẻ em chưa mắc bệnh và chưa được tiêm phòng: Tiêm 3 mũi vào các tháng 0, 1 và 6.

Những người có nguy cơ mắc viêm gan B cao, cần được ưu tiên tiêm phòng bao gồm: Trẻ nhỏ chưa được tiêm phòng, cán bộ y tế, thành viên gia đình người mắc viêm gan B, người tiêm chích ma túy, người nhiễm HIV, nam có quan hệ tình dục đồng giới, người có nhiều bạn tình, bệnh nhân mắc bệnh thận giai đoạn cuối hoặc người mắc bệnh viêm gan không liên quan đến viêm gan B...

Tiêm vắc xin Viêm gan B là biện pháp phòng ngừa chính để phòng lây nhiễm vi rút viêm gan B



NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT ĐỂ PHÒNG CHỐNG BỆNH VIÊM GAN B



GAN BÌNH THƯỜNG

UNG THƯ GAN

BỘ Y TẾ
VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TÂY NGUYÊN
Năm 2019



 **An Thuận** 06 Quang Trung, TP.BMT - ĐT: 0262. 3811838

VIÊM GAN B LÀ GÌ?

(còn gọi là viêm gan vi rút B hay viêm gan siêu vi B)

Là tình trạng sưng tấy hoặc hoại tử tế bào gan cấp hoặc mạn tính. Nếu không được phát hiện và điều trị kịp thời sẽ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng như xơ gan, ung thư gan hoặc tử vong.



BỆNH VIÊM GAN B TẠI VIỆT NAM?



- ♦ Việt Nam là quốc gia có tỷ lệ mắc viêm gan B rất cao, có khoảng 8,6 triệu người nhiễm vi rút viêm gan B.
- ♦ Ung thư gan là một trong các loại ung thư thường gặp và gây tử vong cao nhất Việt Nam. Năm 2013, có khoảng 31.000 ca tử vong do ung thư gan tại Việt Nam.
- ♦ Tại Việt Nam, ung thư gan ở nam giới thường gặp nhất và thường gặp thứ 3 ở nữ giới.

BIỂU HIỆN CỦA BỆNH VIÊM GAN B NHƯ THẾ NÀO?

- ✓ Sốt nhẹ
- ✓ Chán ăn, mệt mỏi, buồn nôn và nôn
- ✓ Vàng da và mắt (bệnh vàng da)
- ✓ Nước tiểu đậm màu
- ✓ Đau hạ sườn phải



VI RÚT VIÊM GAN B LÂY TRUYỀN NHƯ THẾ NÀO?

Vi rút viêm gan B tồn tại trong máu và dịch thể, có thể lây truyền theo 3 đường: Từ mẹ sang con khi sinh, qua đường máu, và qua quan hệ tình dục.



1. Lây từ mẹ sang con

Viêm gan B có thể lây từ mẹ sang con trong lúc sinh.

Đây là đường lây truyền phổ biến nhất tại Việt Nam và là nguyên nhân gây viêm gan B thường gặp nhất.

Nhiều phụ nữ mang thai không biết mình viêm gan B do không có triệu chứng và không được xét nghiệm.

2. Lây qua đường máu

Viêm gan B có thể lây qua tiếp xúc trực tiếp với máu nhiễm vi rút.

Tiếp xúc trực tiếp giữa các vết thương

Dùng chung dao cạo râu hoặc bàn chải đánh răng đã có nhiễm máu.

Sử dụng chung bơm kim tiêm hoặc dụng cụ y tế. Truyền máu không an toàn (máu nhiễm vi rút viêm gan B)

3. Lây qua đường quan hệ tình dục

Viêm gan B có thể lây qua quan hệ tình dục không dùng bao cao su.

Viêm gan B không lây qua: ăn uống chung, làm việc chung, ôm hôn, ho hoặc hắt hơi, bắt tay, muỗi đốt, cho con bú sữa mẹ...

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI NGHIÊN CỨU

1. Ảnh tập huấn cho cán bộ Y tế và cộng tác viên



MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI NGHIÊN CỨU

2. Ảnh hoạt động truyền thông





MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI NGHIÊN CỨU

3. Ảnh tập huấn bộ câu hỏi và điều tra thực địa



BỘ Y TẾ
VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: IRB-VN01057- 24/2017
V/v: Chấp thuận ĐĐNCYSH

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2017

GIẤY CHỨNG NHẬN
Chấp thuận đề cương nghiên cứu

Căn cứ Quyết định số: 02/QĐ-VSDTTU ngày 03/01/2017 của Viện trưởng Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương về việc thành lập Hội đồng Đạo đức cơ sở để xét duyệt các vấn đề đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học nhiệm kỳ 2017-2019;

Căn cứ Biên bản họp ngày 27/11/2017 của Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương và đơn xin chấp thuận đạo đức của chu nhiệm đề tài;

Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương chấp thuận về các khía cạnh khoa học và đạo đức trong nghiên cứu đối với đề tài:

1. Tên đề tài/dự án: Điều tra ước tính tỷ lệ hiện nhiễm vi rút viêm gan B,C trong nhóm người trưởng thành tại Việt nam
2. Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Trần Đức Phú
3. Tổ chức chủ trì: Cục Y tế dự phòng, Bộ Y tế
4. Đơn vị tài trợ : Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa dịch bệnh Hoa kỳ (CDC)
5. Địa điểm nghiên cứu: Tại 32 tỉnh/thành phố theo danh sách đính kèm
6. Thời gian nghiên cứu: 12/2017 -- 09/2018

Thời gian chấp thuận: Từ ngày 12/12/2017 đến 30/09/2018.

ỦY VIÊN THƯ KÝ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS.TS. NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG

GS.TS. NGUYỄN TRẦN HIỀN



XÁC NHẬN CỦA VIỆN

VIỆN TRƯỞNG

Dặng Đức Anh



Địa điểm nghiên cứu

Điều tra ước tính tỷ lệ hiện nhiễm vi rút viêm gan B,C trong
nhóm người trưởng thành tại Việt nam

STT	Vùng địa lý	Tỉnh/Thành phố
1	Vùng đồng bằng sông Hồng	Hà Nội
2	Vùng đồng bằng sông Hồng	Hải Phòng
3	Vùng đồng bằng sông Hồng	Bắc Ninh
4	Vùng đồng bằng sông Hồng	Nam Định
5	Vùng Đông Bắc	Lào Cai
6	Vùng Đông Bắc	Bắc Kạn
7	Vùng Đông Bắc	Yên Bái
8	Vùng Đông Bắc	Quảng Ninh
9	Vùng Tây Bắc	Lai Châu
10	Vùng Tây Bắc	Điện Biên
11	Vùng Tây Bắc	Sơn La
12	Vùng Tây Bắc	Hòa Bình
13	Vùng bắc Trung bộ	Hà Tĩnh
14	Vùng bắc Trung bộ	Quảng Bình
15	Vùng bắc Trung bộ	Quảng Trị
16	Vùng bắc Trung bộ	Thừa Thiên Huế
17	Vùng Nam Trung bộ	Đà Nẵng
18	Vùng Nam Trung bộ	Quảng Nam
19	Vùng Nam Trung bộ	Phước Yên
20	Vùng Nam Trung bộ	Bình Thuận
21	Vùng Tây Nguyên	Kon Tum
22	Vùng Tây Nguyên	Gia Lai
23	Vùng Tây Nguyên	Dak Nong
24	Vùng Tây Nguyên	Lâm Đồng
25	Vùng Đông Nam bộ	TP Hồ Chí Minh
26	Vùng Đông Nam bộ	Bình Phước
27	Vùng Đông Nam bộ	Tây Ninh
28	Vùng Đông Nam bộ	Bình Dương
29	Vùng Tây Nam bộ	An Giang
30	Vùng Tây Nam bộ	Vĩnh Long
31	Vùng Tây Nam bộ	Cần Thơ
32	Vùng Tây Nam bộ	Hậu Giang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – tự do – hạnh phúc

Huân Mu Thuật, ngày 15 tháng 03 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Đề xuất triển khai nghiên cứu khoa học tại tỉnh Kon Tum năm 2019

Kính gửi: - Sở Y tế tỉnh Kon Tum
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
- Trung tâm Y tế TP Kon Tum

Trong năm 2018, Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên đã phối hợp với ngành Y tế tỉnh Kon Tum triển khai nghiên cứu tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B, C trên người trưởng thành tại cộng đồng tỉnh Kon Tum. Kết quả điều tra cho thấy tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B vào khoảng 58,39% (anti-HBc) và tỷ lệ hiện nhiễm khoảng 19,87% (HBsAg).

Để tiếp tục triển khai đánh giá hiệu quả can thiệp trong hoạt động phòng chống viêm gan vi rút B. Khoa Dịch tễ, Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên xây dựng triển khai đề tài nghiên cứu: “Thực trạng kiến thức, thái độ, hành vi và hiệu quả can thiệp dự phòng lây nhiễm vi rút viêm gan B trong cộng đồng dân cư tại một số phường/xã thuộc TP.KonTum tỉnh KonTum, năm 2019” với mục tiêu:

1. Mô tả thực trạng kiến thức, hành vi về dự phòng lây nhiễm vi rút viêm gan B trong cộng đồng dân cư tại một số phường/xã thuộc TP.KonTum tỉnh KonTum năm 2019.

2. Đánh giá hiệu quả can thiệp dự phòng lây nhiễm vi rút viêm gan B trong cộng đồng dân cư tại một số phường/xã thuộc TP.KonTum tỉnh KonTum năm 2019

Nội dung cụ thể như sau:

1. Chủ nhiệm đề tài:

- Họ và tên: Ths.Bs.Phạm Ngọc Thanh
- Đơn vị công tác: Khoa Dịch tễ – Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên
- Chức vụ: Phụ trách khoa
- Chức danh nghề nghiệp: Nghiên cứu viên

2. Thời gian thực hiện:

Từ tháng 4/ 2019 đến tháng 3/2020

3. Địa điểm triển khai:

Một số phường/xã thuộc TP Kon Tum, tỉnh KonTum

4. Đơn vị phối hợp tham gia thực hiện:

- Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên
- Sở Y tế tỉnh Kon Tum
- Trung tâm KSBT tỉnh Kon Tum
- Trung tâm Y tế TP KonTum
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh KonTum
- Trum Y tế phường: Trương Chính, Thắng Lợi, Nguyễn Trãi...

Vậy kính trình Sở Y tế tỉnh Kon Tum và các đơn vị trực thuộc Sở y tế tỉnh Kon Tum xem xét phối hợp và tạo điều kiện cho chủ nhiệm đề tài thực hiện triển khai đề tài trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Xin trân trọng cảm ơn./

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ QUẢN LÝ



Lê Thanh Hiền

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

[Signature]

Trần Phạm Ngọc Hoàng

STT	TÊN ĐƠN VỊ PHỐI HỢP THAM GIA THỰC HIỆN	XÁC NHẬN ĐỒNG Ý (và đồng dấu)
1	SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM	 <i>Lê Trí Khải</i>
2	TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH KON TUM	 <i>Nguyễn Văn Vương</i>
3	TRUNG TÂM Y TẾ TP KON TUM	 <i>Lê Ngọc Hòa</i>
4	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH KON TUM	
5	TRẠM Y TẾ: 1. PHƯỜNG TRƯỞNG CHÍNH 2. PHƯỜNG THẮNG LỢI	 <i>Lê Thị Kim Phê</i> <i>Nguyễn Văn Bình</i>

**BỘ Y TẾ
VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ
TÂY NGUYÊN**

Số: **149** /VTN-DT
V/v sử dụng số liệu điều tra
viêm gan

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Buôn Ma Thuột, ngày 04 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Cục Y tế dự phòng, Bộ Y tế

Thực hiện Quyết định số 3846/QĐ-BYT ngày 25/6/2018 của Bộ Y tế về kế hoạch triển khai “Điều tra ước tính tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B, C trong nhóm người trưởng thành tại Việt Nam”, Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên đã phối hợp với Cục Y tế dự phòng và các tỉnh Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum hoàn thành việc triển khai điều tra tại 3 tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên. Để sử dụng số liệu điều tra cho công tác nghiên cứu khoa học, đồng thời nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ thuộc Viện và các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên.

Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên kính đề nghị Cục Y tế dự phòng cho phép Viện sử dụng toàn bộ số liệu điều tra tại 3 tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên và cung cấp tệp dữ liệu điều tra chính thức theo các nội dung sau:

1. Tên công trình/đề tài NCKH dự kiến:

“Thực trạng, một số yếu tố liên quan đến nhiễm vi rút viêm gan B ở người trưởng thành tại cộng đồng ở 3 tỉnh Tây Nguyên và hiệu quả can thiệp trong dự phòng lây nhiễm”

2. Mục đích sử dụng (Để tài cơ sở, Cao học, Nghiên cứu sinh, bài báo khoa học...)

- Nghiên cứu sinh
- Bài báo khoa học
- Đề tài cấp cơ sở

3. Chủ nhiệm công trình/đề tài: Ths.Bs Phạm Ngọc Thanh – Phụ trách khoa Dịch tễ - điện thoại: 096.113.1980 – Email: thanhdn.tihs@gmail.com

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, DT.



Phạm Thọ Dược

**BỘ Y TẾ
CỤC Y TẾ DỰ PHÒNG**

Số: 347 /DP-DT

V/v sử dụng số liệu điều tra
viêm gan khu vực Tây Nguyên

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên

Phúc đáp công văn số 189/VTN-DT ngày 06/5/2019 của Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên về việc sử dụng số liệu điều tra tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B, C ở người trưởng thành tại 03 tỉnh khu vực Tây Nguyên, Cục Y tế dự phòng có ý kiến như sau:

1. Cục Y tế dự phòng nhất trí với đề xuất sử dụng số liệu điều tra tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B, C ở người trưởng thành tại 03 tỉnh khu vực Tây Nguyên làm đề tài khoa học *"Thực trạng, một số yếu tố liên quan đến nhiễm vi rút viêm gan B ở trưởng thành tại cộng đồng ở 03 tỉnh Tây Nguyên và hiệu quả can thiệp trong dự phòng lây nhiễm"*.

2. Liên quan đến việc quản lý và sử dụng số liệu điều tra tỷ lệ nhiễm vi rút viêm gan B, C ở người trưởng thành tại 03 tỉnh khu vực Tây Nguyên, đề nghị Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên thực hiện một số nội dung như sau:

- Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và bảo mật số liệu điều tra đảm bảo tính chính xác và thống nhất với các kết quả chính thức của cuộc điều tra được công bố, không điều chỉnh và chia sẻ bộ số liệu gốc cho các đơn vị/cá nhân khác.

- Các kết quả nghiên cứu, công trình khoa học của đề tài có liên quan đến số liệu điều tra viêm gan tại khu vực chỉ công bố sau khi có kết quả điều tra chính thức chung toàn quốc của Bộ Y tế và cần được thống nhất với Cục Y tế dự phòng trước khi được công bố.

- Thực hiện việc cập nhật, chia sẻ thông tin và báo cáo kết quả liên quan đến việc sử dụng số liệu điều tra viêm gan về Cục Y tế dự phòng.

Thông tin chi tiết liên hệ: TS. Trần Đại Quang, chuyên viên Cục Y tế dự phòng, ĐT: 0932299677, email: trandaiquang1984@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT. Trần Đức Phú (để báo cáo);
- USCDC Việt Nam;
- Lưu: VT, DT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**


Đặng Quang Tấn



Chứng thư: Cục Y tế dự phòng
Ngày ký: 21/05/2019 15:01:56